

# **AN TÂM QUYẾT ĐỊNH SAO**

安心決定鈔

Anjin Ketsujō Shō

Việt dịch: Quảng Minh

## DẪN NHẬP

An Tâm Quyết Định Sao là yếu điển của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, gồm hai quyển, tác giả không rõ. Tác phẩm có lẽ được viết vào khoảng năm 1270 đến 1338, nằm trong tập 3 của Chân Tông Thánh Giáo Toàn Thư (真宗聖教全書), và tập 83 của Đại Chánh Tạng, No. 2679 (Nhật ngữ). Trong sách Liên Như Thượng Nhân Ngự Nhất Đại Văn Thư (蓮如上人御一代聞書), nhà sư Nhật Bản Liên Như đánh giá cao cuốn sách này, và trong Ngự Văn Chương (御文章), ông đã sử dụng sách này để giải thích tông nghĩa “An tâm” của Chân tông, cũng như ca ngợi nó là văn bản trọng yếu về “tha lực tín tâm” của Chân tông. Vào năm 1708, Huệ Không (惠空) của phái Đại Cốc (大谷派) đã trứ tác An Tâm Quyết Định Sao Dục Chú (安心決定鈔翼註), được cho là tác phẩm thuộc phái Tây Sơn (西山派).

Liên quan đến tác giả của cuốn sách này, có người tin tác giả là các Tăng sĩ dòng Chân tông như: Giác Như (覺如), Tồn Giác (存覺), Chân Phật (真佛), Thiện Loan (善鸞), Thừa Chuyên (乘專), Hiền Trí (顯智), Liễu Nguyên (了源). Một số người cho rằng nó được viết bởi Chứng Không (證空), Tăng sĩ thuộc dòng Tây Sơn (西山) và dòng Nhất Biến (一遍). Huệ Không (惠空) thì cho tác giả sách này là Huệ Đốc (惠篤), Tăng sĩ dòng Bản Sơn Nghĩa (本山義), phái Tây Sơn.

Cách diễn đạt của tác phẩm này gợi ý rằng nó có nguồn gốc từ phái Tây Sơn của Tịnh độ tông, nơi nó chia sẻ các khái niệm và thuật ngữ. Tuy nhiên, theo truyền thống của Tịnh độ Chân tông, sách này được nghiên cứu nhiều nhất và là nơi nó có tác động lớn nhất. Cả Giác Như (1270-1351), thầy của Thân Loan Thánh Nhân (1173-1262) và là người khai sơn chùa Tây Bản Nguyên (西本願寺), cùng với Tồn Giác (1290-1373), con trai của Giác Như, đều quen thuộc với nó. Tác động của nó được tích lũy đến Liên Như Thượng Nhân (1415-1499), người coi tác

phẩm này là “mỏ vàng” mà từ đó ông có thể rút ra cách giải thích ngắn gọn và dễ hiểu về khái niệm tín tâm của Thân Loan.

Nội dung cuốn sách này chủ yếu dựa trên trụ cột “Cơ pháp nhất thể” (機法一體), bàn về ý nghĩa “Tha lực niệm Phật vãng sanh”, đưa đến những luận nghĩa về Chánh giác như “Danh thể bất nhị” (名體不二), “Phật thể tức hành” (佛體即行), “Sanh Phật bất nhị” (生佛不二), Pháp giới thân (法界身), “Sanh Phật câu thời thành tựu” (生佛俱時成就). Toàn bộ cuốn sách minh họa tư tưởng “Tha lực an tâm” (他力安心) của nhất ích pháp môn (一益法門).

“An tâm” có thể được dịch là cảm giác bình yên hoặc sự an ổn trong tâm trí, trong khi “Quyết định” có nghĩa là sự ổn định, thành lập, xác quyết, chắc chắn. Vì vậy, mục đích của sách này là, để đạt được một sự an tâm vững chắc phải được thiết lập trên nền tảng tín tâm chân thật. Nói cách khác, yếu tố quyết định cho sự an tâm là tín tâm chân thật, hoặc là, sự an tâm là yếu tố quyết định cho sự vãng sanh.

Hơn nữa, An Tâm Quyết Định Sao phát triển hình ảnh hoa sen Chánh giác của Đức Phật A Di Đà, nói rằng “tịnh hoa chúng” là những người đã được tâm trí của Đức Phật A Di Đà thâm nhập. Bằng cách này, nó bộc lộ hai chủ đề được nhấn mạnh trong trường phái Tây Sơn rằng, những đức hạnh của Đức Phật A Di Đà tự biểu hiện trong hành động của những chúng sinh đã phó thác bản thân mình vào Bản nguyện, và trên thực tế, nguyện hành của Đức Phật A Di Đà đã thâm nhập vào sự tồn tại của chúng sanh từ thời điểm hoàn thiện Chánh giác trong quá khứ vô tận, và vì vậy, quay về khoảnh khắc đó bằng cách quy mạng vào Bản nguyện là được sanh ra từ sự nở hoa của Chánh giác.

“Cơ pháp nhất thể” (機法一體), sự đồng nhất thể của hành giả (cơ) và Đức Phật (pháp). Thuật ngữ này thể hiện một trong những chủ đề trung tâm của An Tâm Quyết Định Sao, nó xảy ra hai mươi lần xuyên suốt tác phẩm. Thuật ngữ này xuất hiện lần đầu trong các bài viết của Chứng Không (証空, 1176-1246), người

sáng lập phái Tây Sơn của Tịnh độ tông, và việc sử dụng nó trong An Tâm Quyết Định Sao đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng của các nhà lãnh đạo Tịnh độ Chân tông, đáng chú ý nhất là Giác Như, Tồn Giác và Liên Như - trong thời kỳ hình thành truyền thống Bản nguyện. Các học giả đã phân biệt những hàm ý khác nhau của thuật ngữ này tùy thuộc vào ngữ cảnh trong An Tâm Quyết Định Sao, và cũng đã tìm cách phân biệt phạm vi ý nghĩa của nó trong những lời dạy của Chứng Không và của Chân tông. Tác phẩm này phát triển theo hai chiều hướng chung của tính bất nhị: dựa trên Bản nguyện bao gồm sự thành tựu vãng sanh cho chúng sanh (sự đồng nhất của Chánh giác và thành tựu sự vãng sanh), và dựa trên sự thực hành Bản nguyện nơi chúng sanh (sự đồng nhất trong Nam mô A Di Đà Phật).

Lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà có chức năng như một sự bảo đảm cho sự vãng sanh Tịnh độ của chúng sanh mười phương, cũng như là động lực tích cực cho hiệu quả của việc thực hành niệm Phật của chúng sanh. Bởi vì chỉ có nguyện hành của Bồ tát Pháp Tạng, kéo dài trong “triệu tải vĩnh kiếp”, là để hoàn thành nguyện hành của chúng sanh (được coi là những chúng sanh ngu si, vô trí và về cơ bản là xấu xa). Có thể nói, niệm Phật là hiện thân của sự chân thật của lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà, và do đó chúng sanh quy mạng vào lời nguyện thứ 18 thì làm tan biến mọi nhị nguyên.

Niệm Phật được thực hiện với niềm tin không gì khác hơn là Tha lực của Đức Phật A Di Đà. Năng lực này trở nên tích cực thông qua sự quy mạng (歸命) của hành giả có tín tâm chân thật, để hành giả ấy mang theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nương tựa Chánh giác của Phật quả của Đức Phật A Di Đà, và do đó làm tan biến mọi nhị nguyên của hành giả và Đức Phật. Để minh họa sự quy mạng này, người ta sử dụng một dụ ngôn, trong đó mặt trời giống như Bồ tát Quán Thế Âm: Trẻ nhỏ cho rằng ánh sáng mà chúng cảm nhận được là từ chính mình và rằng mắt mình là nguyên nhân của ánh sáng. Nhưng những người có kiến thức thì hiểu rằng, nếu điều này là sự thật thì mắt phải nhìn thấy mọi vật vào ban đêm. Vì vậy,

việc tin tưởng vào ánh sáng ban đầu của mặt trời chứ không phải sức mạnh của chính đôi mắt của bạn là điều thích hợp. Trạng thái của hành giả giống như đứa trẻ nhỏ trong dụ ngôn, nó khẳng định mình là nguyên nhân và là chủ nhân của mọi hiện tượng. Nhưng trên thực tế, bất chấp sự vô minh trắng trợn của con người, cuộc sống của con người không phải là của riêng họ mà là “Vô Lượng Thọ” của Đức Phật A Di Đà. Từ bỏ sự thiếu hiểu biết này và thay vào đó là sự tin tưởng tuyệt đối vào Đức Phật A Di Đà thì tương đương với việc nương tựa vào Tha lực của Ngài.

Chúng ta không có khả năng niệm Phật với tâm thanh tịnh hoàn toàn, nhưng Đức Phật A Di Đà đã mở miệng cho chúng ta xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật”.

Hiện có hai bản dịch An Tâm Quyết Định Sao bằng Anh ngữ:

Một là, *On Attaining the Settled Mind: Anjin ketsujo sho*, bởi Dennis Hirota, Eastern Buddhist Society, 1998.

Hai là, *Anjin ketsujo sho - On the Attainment of True Faith*, bởi Eizo Tanaka, International Association of Buddhist Culture, 1980.

San Francisco, Mồng Ba Tết Giáp Thìn (12/2/2024)

Phật tử Quảng Minh kính ghi

# AN TÂM QUYẾT ĐỊNH SAO

No. 2679

(1)

Hành giả của Tịnh độ Chân tông trước phải lãnh hội và lý giải (: lãnh giải) sự sanh khởi của Bản nguyện.

(2)

Hoàng nguyện tuy có 48, nhưng nguyện thứ 18 là bản ý [của Đức Phật A Di Đà]. Bốn mươi bảy nguyện còn lại là làm cho tin tưởng vào nguyện này vậy.

(3)

Về nguyện này, Vãng Sanh Lễ Tán (Đại sư Thiệu Đạo) ghi: “*[Lại như Kinh Vô Lượng Thọ nói: ‘Khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương, xưng danh hiệu tôi, tôi thiếu mười tiếng, nếu chẳng được sanh, không lấy Chánh giác’.*”

(4)

Ý của câu văn này là, “Khi tôi thành tựu được nguyện hành làm cho chúng sanh mười phương được vãng sanh, tôi cũng được thành Phật. Nếu tôi không có khả năng làm cho chúng sanh được vãng sanh, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Cho nên sự thành Chánh giác của Phật sẽ dựa vào sự vãng sanh hay không vãng sanh của chúng ta mà quyết định.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Từ đó có thể thấy rằng việc Đức A Di Đà Phật có thể thành Chánh giác hay không hoàn toàn phụ thuộc vào việc chúng ta có thể được vãng sanh hay không.

(5)

Thế nên, trước khi chúng sanh mười phương chưa có ai được vãng sanh thì sự thành Chánh giác ấy là không hợp lý.<sup>2</sup>

(6)

Nhưng Đức Phật đã viên mãn nguyện hành thay cho chúng sanh và thành tựu được sự vãng sanh của chúng ta.

Khi viên mãn nguyện hành của chúng sanh mười phương và thành tựu được sự vãng sanh, thì là thành tựu “cơ pháp nhất thể”<sup>3</sup>, là Chánh giác của “Nam Mô A Di Đà Phật”. Thế nên, ngoài Chánh giác của Phật, không có sự vãng sanh của phàm phu.

Khi sự vãng sanh của chúng sanh mười phương được thành tựu, Phật cũng thành Chánh giác. Chánh giác của Phật cùng với sự vãng sanh của chúng sanh đồng thời thành tựu vậy.

(7)

---

<sup>2</sup> Nếu Bồ tát Pháp Tạng thành Chánh giác trước khi chúng sanh mười phương được vãng sanh thì đó là điều không hợp lý.

<sup>3</sup> Cơ pháp nhất thể (機法一體): Tiếng dùng của Chân tông và phái Tây Sơn thuộc tông Tịnh độ Nhật bản. Đây là căn cứ theo Lục tự thích trong Quán Kinh Sớ, Huyền nghĩa phần, của ngài Thiện Đạo. Cơ là chúng sanh hoặc lòng tin của chúng sanh đối với Phật. Pháp là Phật A Di Đà, hoặc sức cứu độ chúng sanh của Phật A Di Đà. Ý nói cơ của chúng sanh và giáo pháp của Phật A Di Đà là một thể không hai. Phái Tây Sơn cho rằng, lòng từ bi cứu giúp chúng sanh của Phật A Di Đà là nhân để chúng sanh được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lòng từ bi của Phật A Di Đà thường tác động mà không lia chúng sanh, cho nên, khi tâm của chúng sanh xưng niệm "Nam mô A Di Đà Phật" và lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà trở thành một thể, thì mới thành tựu được thể hành của sáu chữ danh hiệu "Nam mô A Di Đà Phật", và sự quan hệ này gọi là cơ pháp nhất thể. Chân tông chủ trương, lòng từ bi của Phật muốn cứu độ chúng sanh được thể hiện qua danh hiệu "Nam mô A Di Đà Phật"; chúng sanh đối với danh hiệu của Ngài đã thành tựu lòng tin; nhờ đó, lòng tin và sức Phật trong danh hiệu trở thành một thể, cho nên gọi là Cơ pháp nhất thể. Lại đương khi danh hiệu của Phật chuyển thành lòng tin của chúng sanh, thì cái tâm phàm phu của chúng sanh và tâm Phật thành là một thể, tình huống đặc biệt này được gọi là Phật phàm nhất thể.

Từ [một niệm Chánh giác của] Đức Phật mà ‘cơ vãng sanh’ được thành tựu. Nhưng chúng sanh tin nhận lý này không giống nhau: có người đã vãng sanh, có người đang vãng sanh và có người sẽ vãng sanh.<sup>4</sup>

Về căn cơ, tuy ba đời có khác nhau, nhưng ngoài việc Đức Phật A Di Đà thay chúng sanh thành tựu một niệm Chánh giác<sup>5</sup>, càng không cần thêm mảy may sự thể nào từ căn cơ.<sup>6</sup>

(8)

Ví như: Mặt trời mọc trong sát na, mười phương tối tăm đều tỏ rạng. Lúc mặt trăng lên, nước “pháp giới” đồng hiện ảnh.

Mặt trăng lên mà ảnh vốn sẵn nơi nước, mặt trời mọc thì tối tăm nào mà chẳng sáng sủa.

Cần phải nghĩ rằng, mặt trời mọc hay chưa mọc, không thể nghi bóng đêm đã sáng hay chưa sáng. Cần phân biệt rằng, việc Phật thành Chánh giác hay chưa thành, không thể nghi sự vãng sanh của phàm phu đã được hay chưa được.

Tỳ kheo Pháp Tạng thệ rằng, chúng sanh nếu không vãng sanh thì không thành Phật, và Ngài thành Phật đến nay đã mười kiếp. Từ bản thể của Phật mà

---

<sup>4</sup> Kinh A Di Đà nói: “Xá Lợi Phất, nếu có người nào đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, nguyện sanh quốc độ của Đức Phật A Di Đà, thì những người này cùng được sự không thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và đối với quốc độ ấy thì hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh.”

<sup>5</sup> Chánh giác nhất niệm (正覺一念): Một niệm Chánh giác. Tiếng dùng của Phật giáo Nhật Bản. Chánh giác, tức là đã chứng được giải thoát. Chánh giác nhất niệm, tức là một niệm lúc ban đầu khi đức Phật A Di Đà thành tựu quả Phật Chánh giác đã qua mười kiếp rồi. Còn gọi là Thập kiếp chánh giác sát na. Đây là giáo thuyết của phái Tây Sơn thuộc tông Tịnh độ Nhật Bản. Lại cái niệm quy mạng của chúng sanh ba đời và cái tâm xưng niệm của hữu tình mười phương, cũng gọi là Chánh giác nhất niệm. Một niệm Chánh giác của Di Đà Như Lai trong mười kiếp, đã thành tựu ‘cơ pháp (chúng sanh và Phật lực) nhất thể’ của bản thể tự giác. Một niệm ấy có thể dọc cùng ba đời, ngang khắp mười phương, chúng sanh mười phương ba đời có khả năng vãng sanh trong một niệm ấy, cho nên, nhân quả vãng sanh của chúng sanh trong mười phương ba đời tuy có trước sau khác nhau, nhưng đều nhiếp trong một niệm Chánh giác mà Đức Phật A Di Đà thành tựu.

<sup>6</sup> Mặc dù có ba đời vãng sanh, nhưng tất cả đều là sự thành tựu nguyện hành của một niệm Chánh giác trong mười kiếp. Toàn thể nguyện hành hiển hiện nơi chúng sanh, nên tự thân chúng sanh không cần gia công kể đặc dù là mảy may. Thực tại là nguyện hành mà pháp thể thành tựu khiến cho chúng sanh vãng sanh.



thành tựu sự vãng sanh. Chúng ta kém cỏi, đến nay chẳng rõ, mà chỉ nhận chịu sự lưu chuyển.

(9)

Thế nên, Bát Chu Tán (Đại sư Thiện Đạo) nói: “*Kính bạch tất cả thiện tri thức cầu vãng sanh, phải hết sức tàm quý. Đức Thích Ca Như Lai thật là cha mẹ Từ bi, dùng các thứ phương tiện để phát khởi Vô thượng tín tâm<sup>7</sup> nơi chúng ta.*”<sup>8</sup>

Về hai chữ ‘tàm quý’, tàm là xấu hổ với trời, quý là hổ thẹn với người. Cũng giải thích, tàm là xấu hổ với mình, quý là hổ thẹn với người.

(10)

Sự gì mà nói “*hết sức tàm quý*”?

(11)

Trải qua thời gian “*triệu tải vĩnh kiếp*”<sup>9</sup>, Đức Phật A Di Đà khuyến khích nguyện hành thay cho những phàm phu vô thiện. Thuở xưa từ “*ngũ bách ngàn điểm kiếp*”, Đức Thích Tôn đã tám ngàn lần xuất hiện nơi đời<sup>10</sup>, là muốn cho chúng ta biết ‘thệ nguyện bất khả tư nghị’ này, thế mà đến nay chúng ta chưa nghe biết, cho nên nói “*hết sức tàm quý*”.<sup>11</sup>

<sup>7</sup> Vô thượng tín tâm (無上信心): Chỉ cho tam tín về Tha lực. Tam tín là Chí tâm, Tín lạc tâm và Dục sanh tâm.

<sup>8</sup> Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo soạn, tr. 448a22.

<sup>9</sup> Triệu tải vĩnh kiếp : triệu năm vĩnh kiếp, chỉ cho thời gian lâu xa vô hạn. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong thời gian bất khả tư nghị triệu tải kiếp lâu xa, Ngài tích chứa vô lượng đức hạnh Bồ tát.”

<sup>10</sup> Kinh Phạm Võng: “Như lai nay đến thế giới này đã tám ngàn lần, vì cả thế giới Sa bà mà ngồi Kim cang tòa đầy bông hoa ánh sáng, nói về mười biển cả thế giới, cho đến đến cung Đại tự tại thiên vương này, tóm tắt khai thị hoàn tất phẩm Pháp môn tâm địa cho đại chúng ở đây.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>11</sup> Chúng ta không có khả năng đạt được bất kỳ điều thiện nào để tự cứu độ, vượt thoát luân hồi, và chúng ta cũng không chú ý đến sự thật rằng, Đức Phật A Di Đà đã đạt được sự cứu độ cho chúng ta. Chúng ta nên cảm thấy xấu hổ, hối hận và ăn năn về sự thiếu hiểu biết của mình, đó là sự thiếu tin tưởng vào Bản nguyện của Phật. Một niệm mà khi chúng ta nhận ra sự thật rằng sự vãng sanh của chúng sanh vốn đã thành tựu, cũng chính là “một niệm Chánh giác” mà Đức Phật A Di Đà thành tựu sự vãng sanh cho chúng sanh.

(12)

Hành giả Đại thừa và Tiểu thừa y theo căn cơ mà tu tập, thế nhưng giáo pháp dẫn vi diệu mà căn cơ có chỗ không đạt, cũng bị nói là ‘lực chẳng đủ’. Nay với Tha lực nguyện hành, thực hành thì khuyến khích nơi Phật thể, công phu thì nhường cho kẻ vô thiện chúng ta, và căn cơ ‘báng pháp xiển đề’<sup>12</sup>, cùng căn cơ ‘pháp diệt bách tuế’<sup>13</sup>, không thể không thành tựu công đức của sự vãng sanh.

Đã ân cần bảo cho biết cái lý này mà chẳng tin chẳng hiểu, nên nói là “*hết sức tầm quý*”.

(13)

“*Quan sát cả đại thiên thế giới này thì thấy không có chỗ nào, dầu chỉ bằng hạt cải mà thôi, mà không phải là chỗ Đức Thích Tôn xả bỏ thân mạng.*”<sup>14</sup>

Đây đều là muốn cho những người không tin Tha lực phát khởi tín tâm. Đức Thích Tôn thay thế chúng ta mà tu khổ hạnh khó hành, kết duyên lũy kiếp, thế mà chúng ta chẳng biết ‘bi nguyện quảng đại’ này, nên nói là “*hết sức tầm quý*”.

(14)

Muốn nói ý này, nên [Đại sư Thiện Đạo] giải thích rằng, “*dùng các thứ phương tiện để phát khởi Vô thượng tín tâm nơi chúng ta*”.

Nói “*Vô thượng tín tâm*”, tức là ba tín vào tha lực.

Tiếp theo nói: “*Nói các thứ phương tiện, giáo môn chẳng phải một.*”<sup>15</sup>

---

<sup>12</sup> Báng pháp xiển đề (謗法闡提): Là một trong hai loại Xiển đề. Còn gọi là Đoạn thiện xiển đề. Chỉ người không thể thành Phật được, vì đã sanh khởi tà kiến sâu đậm, phỉ báng Đại thừa mà dứt hết tất cả căn lành. Xiển đề là gọi tắt của Nhất xiển đề (chỉ người không có năng tánh thành Phật).

<sup>13</sup> Pháp diệt bách tuế (法滅百歲): Là căn cơ chúng sanh thời mạt pháp, đặc biệt là thời kỳ pháp diệt tận còn 100 năm. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát.”

<sup>14</sup> Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Da.

Đó là ‘tùy cơ được lợi ích’ của chư kinh.

Phàm phu nếu không có gì biện biệt, thì khó có được tín tâm vào tha lực. Nhưng khi nghe tự lực khó thành, liền có thể tin tha lực dễ làm; lúc nghe Thánh đạo nan hành, cũng tin rằng Tịnh độ dị hành.

(15)

Ôi, Đức Phật đã thành tựu sự vãng sanh không chút khó khăn. Chúng ta bị cuồng điên mất trí bởi phiền não, chìm đắm trong lưu chuyển rất lâu, nên không tin nhận Phật trí bất tư nghị.

Thế nên, cái niệm ‘quy mạng’ của chúng sanh ba đời, cũng là ‘Chánh giác nhất niệm’. Cái tâm ‘xưng niệm’ của hữu tình mười phương, cũng là ‘Chánh giác nhất niệm’.

Còn nữa, ‘nhất xưng’, ‘nhất niệm’ không dừng lại ở căn cơ.

(16)

Danh thể bất nhị<sup>16</sup>: Vì sự thực hành hoằng nguyện mà danh hiệu tức là toàn thể Chánh giác. Vì là bản thể của Chánh giác mà tức là bản thể vãng sanh của chúng sanh mười phương. Vì bản thể của vãng sanh mà nguyện hành của chúng ta không thể không đầy đủ.

---

<sup>15</sup> Y Quán Kinh Đẳng Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán: “Lại nói các thứ phương tiện, giáo môn chẳng phải một, chỉ vì những phàm phu đảo kiến như chúng ta.”

<sup>16</sup> Danh thể bất nhị (名體不二): Danh là năng thuyết, làm cho thể sáng tỏ; thể là sở thuyết, bản thể của sự vật được làm sáng tỏ. Danh chỉ là phương tiện tạm được đặt ra để làm sáng tỏ sự vật chứ danh không phải là bản thể của sự vật, bởi thể tất cả sự vật trong thế gian, danh bất tức với thể, thể bất tức với danh, danh thể mỗi khác. Tuy nhiên, danh hiệu, chân ngôn, đà la ni v.v. của chư Phật và Bồ tát, ngoài việc làm sáng tỏ thể tánh chân như của các Ngài ra, còn chứa đựng nguyện lực và công đức rộng lớn của chư Phật và Bồ tát. Cho nên, danh hiệu, chân ngôn, v.v. cùng với bản thể của các Ngài không phải là hai, mà là danh tức thể, thể tức danh, gọi là Danh thể bất nhị. Cũng gọi là Danh thể tương tức (名體相即), Danh thể bất ly (名體不離). Điều này đồng nghĩa với Danh pháp tương tức (名法相即) được nói trong Vãng Sanh Luận Chú, quyển hạ, và trong An Lạc Tập. Ở đây, danh là "Nam mô A Di Đà Phật", và thể là thật thể của Đức Phật A Di Đà.

(17)

Cho nên Phần Huyền Nghĩa [của Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ] nói:

“Nay trong Quán Kinh này nói xưng niệm danh hiệu Phật mười tiếng, tức là đầy đủ mười nguyện, mười hạnh.<sup>17</sup> Vì sao đầy đủ? Nói ‘Nam mô’, tức là quy mạng, cũng có nghĩa là phát nguyện hồi hướng; nói ‘A Di Đà Phật’, tức là hạnh Phật. Dựa vào hai nghĩa trên mà khẳng định người đó sẽ được vãng sanh.”<sup>18</sup>

(18)

Nên biết rằng, người Hạ phẩm hạ sanh<sup>19</sup>, người thất niệm xưng niệm và người cụ túc nguyện hành đều chẳng phải nguyện hành của căn cơ, mà chính là nguyện hành “ngũ kiếp [tư duy], triệu tải [vĩnh kiếp tu hành]” của Bồ tát Pháp Tạng, bởi vì Ngài đã thành tựu nguyện hành của phàm phu.

(19)

Lãnh giải cái nghĩa “A Di Đà Phật thành tựu nguyện hành thay cho phàm phu”, còn gọi là Tam tâm, cũng thuyết là Tam tín, cũng nói là Tín tâm vậy.

---

<sup>17</sup> Nguyện hành cụ túc (願行具足): Thệ nguyện và hành nghiệp đầy đủ. Tức tự mình phát nguyện rồi gắng sức tu hành để thành tựu thệ nguyện ấy một cách trọn vẹn. Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản cho rằng, vì trong pháp thể 'Nam mô A Di Đà Phật' có đầy đủ nguyện và hành của mình, cho nên chỉ cần một niệm tịnh tín, thì khi xưng niệm danh hiệu 'Nam mô A Di Đà Phật' liền đầy đủ nguyện và hành của Đức Phật A Di Đà.

<sup>18</sup> Bốn chữ “A Di Đà Phật” chính là chúng sanh quy mạng về Đức Phật A Di Đà. Bốn chữ “A Di Đà Phật” là chánh nghiệp, tư lương và công đức của sự vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chỉ cần niệm sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật” thì đã cụ bị sự tu hành vãng sanh, công đức vãng sanh, cho nên Đại sư Thiện Đạo nói: “Dựa vào hai nghĩa này mà khẳng định người đó sẽ được vãng sanh.”

<sup>19</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng nếu người chẳng phải niệm Phật kia được, thì người xưng danh hiệu Phật A Di Đà, như vậy chí tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt đủ mười niệm. Nên xưng như vậy: Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa dường như mặt nhựt trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói Thiệt Tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội. Người ấy nghe pháp rồi, rất vui mừng liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là người Hạ phẩm hạ sanh vậy."

A Di Đà Phật đem nguyện hành của phàm phu làm thành danh hiệu, và biểu hiện nơi khẩu nghiệp mà xưng “Nam mô A Di Đà Phật”. Cho nên sự lãnh giải không dừng lại ở căn cơ. Lãnh giải thì trở về bản thể của Phật nguyện.

Danh hiệu cũng không dừng lại ở căn cơ, ‘xưng’ thì ngay lập tức trở về với hồng nguyện.

(20)

Thế nên, pháp môn Tịnh độ không ngoài sự lãnh giải lời nguyện thứ 18 một cách chi tiết.

(21)

Quán Kinh Sớ, Đại sư Thiện Đạo giải thích:

*“Như bốn mươi tám lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ nói chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì được sanh.”*

Và giải thích:

*“Lại nữa, trong đoạn văn ‘định thiện và tán thiện’<sup>20</sup> của kinh này, chỉ nêu chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì được sanh.”*

(22)

Nói “Lãnh giải lời nguyện thứ 18”, tức là lãnh giải danh hiệu.

---

<sup>20</sup> Đây là y “nhiếp thủ niệm Phật, xưng danh hóa tán” (攝取念佛、稱名化贊). ‘Nhiếp thủ niệm Phật’ là đoạn văn của Chân thân quán, pháp quán thứ chín, lấy niệm Phật làm lợi ích của quán, là niệm Phật hoàn toàn ở trong thiền định. ‘Xưng danh hóa tán’ là đoạn văn của Hạ phẩm thượng sanh, hóa Phật không khen nghe kinh, chỉ khen niệm Phật, là niệm Phật hoàn toàn trong tán loạn. Định thiện là 13 pháp quán, trong đó nổi bật nhất là pháp quán thứ 9 về quang minh của Đức Phật A Di Đà: “Quang minh chiếu khắp thập phương thế giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót.” Với 3 quán sau, dùng cái tâm tán loạn để tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm nên gọi là tán thiện. Nói ‘xưng danh’ thì chắc chắn nó ở trong định thiện và tán thiện. Đoạn lưu thông ở cuối kinh, Đức Phật ân cần dạy bảo tôn giả A-nan hồng truyền pháp môn Niệm Phật: “Này A-nan! Người phải trì lời này cho tốt. Người trì lời này tức là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật.”

Lãnh giải danh hiệu, tức là lãnh giải “*A Di Đà Phật thành tựu nguyện hành thay cho chúng sanh*”, mà trước hết là tức khắc thành tựu sự vãng sanh cho căn cơ, đem sự vãng sanh của chúng sanh mười phương làm bản thể của Chánh giác.

(23)

Thế nên, hành giả niệm Phật, nếu nghe danh hiệu, nên khởi niệm như vậy: “*Ôi chao! Sự vãng sanh của tôi đã thành tựu từ lâu. Bồ tát Pháp Tạng đã từng thệ rằng, ‘Nếu không thành tựu sự vãng sanh cho chúng sanh mười phương, thì chẳng lấy ngôi Chánh giác’. Danh hiệu là quả danh của sự thành Chánh giác.*”

Lại nữa, lễ bái tôn tượng Đức Phật A Di Đà, nên khởi niệm như vậy: “*Ôi chao! Sự vãng sanh của tôi đã thành tựu từ lâu. Bồ tát Pháp Tạng đã từng thệ rằng, ‘Chúng sanh mười phương nếu không được vãng sanh, thì chẳng lấy ngôi Chánh giác’. Tôn tượng là tôn hình của sự thành Chánh giác.*”

Lại nữa, khi nghe đến tên Cực Lạc, nên khởi niệm như vậy: “*Ôi chao! Quốc độ vãng sanh của tôi đã thành tựu từ lâu. Tỳ kheo Pháp Tạng đã từng thệ rằng, ‘Chúng sanh không được vãng sanh, thì chẳng lấy ngôi Chánh giác’. Cực Lạc là Tịnh độ được thành tựu từ sự thành Chánh giác.*”

‘Căn cơ’ là chỉ cho hạng người “*không có hai thứ thiện căn thế pháp và Phật pháp, chỉ biết làm ác*”<sup>21</sup>.

---

<sup>21</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 1, tr. 249a07: "Đối với ba bậc hạ, các Đại sư cho rằng các hạng người này thuộc về phạm phu mới học Đại thừa, tùy theo tội nặng nhẹ mà chia thành ba phẩm, những người chưa có đạo vị, khó phân biệt thứ bậc, mới nói không phải như thế. Vì sao? Vì Ba hạng người này là những người không có hai thứ thiện căn của thế tục và Phật pháp, chỉ biết làm ác. Làm sao biết? Vì như văn nói về bậc Hạ thượng, có nói chỉ cần không gây ra năm tội nghịch và chê bai chánh pháp, còn các điều lỗi ác khác đều phạm đủ cả, mà không sanh hổ thẹn. Đến lúc sắp qua đời gặp được thiện tri thức, được thiện tri thức nói pháp Đại thừa cho nghe, dạy người đó xưng một tiếng Phật. Bấy giờ, Đức Phật A Di Đà liền sai hóa Phật, Bồ tát đến đón rước người này, và được vãng sanh. Nhưng như người ác này gặp mọi việc đều như thế, nếu gặp được duyên lành, thì liền được vãng sanh, nếu không gặp được duyên lành, thì chắc chắn sẽ đi vào ba đường ác, không được ra khỏi.

Bậc Hạ trung, hạng người này trước đây tuy có thọ giới của Phật nhưng thọ rồi không tu trì, mà hủy phá, lại còn trộm cắp vật của thường trụ Tăng, vật của hiện tiền Tăng và nói pháp bất tịnh lại không bao giờ sanh tâm hổ thẹn, đến lúc sắp qua đời, thì lửa dữ địa ngục cùng đến một lúc, hiện ra trước mặt người ấy. Khi vừa thấy lửa thì được gặp thiện tri thức, nói cho nghe công đức của cảnh giới Cực lạc, khuyên người đó vãng sanh. Người này nghe rồi liền được thấy Phật, vãng sanh theo Phật. Nếu như ban đầu không gặp được thiện tri thức thì lửa địa ngục sẽ đón

Từ bản thể của Phật mà thành tựu hằng hà sa số công đức, vì muốn cho chúng sanh ngu si, tà kiến như chúng ta có được cái vui cùng cực, nên gọi là Cực Lạc.

(24)

Tuy nói ‘tin vào bản nguyện, xưng niệm danh hiệu’, mà nghĩ rằng đó là công đức của vị Phật nào ở các phương khác, thì nơi danh hiệu không thể hạ thủ công phu, tức là không được vãng sanh. Sự ấy thật đáng thương.

(25)

Nếu phát khởi tín tâm rằng, “*Phật đã thành tựu tướng vãng sanh cho chúng ta, đó là xưng Nam mô A Di Đà Phật*”, thì bản thể của Phật tức là sự hành vãng sanh cho chúng ta, và cái chỗ ‘một tiếng’<sup>22</sup> sẽ quyết định sự vãng sanh vậy.

Hãy lãnh giải, nghe danh hiệu ‘A Di Đà Phật’, đón tri sự vãng sanh của mình. Sự vãng sanh của mình tức là Chánh giác của Phật.

Đức Phật A Di Đà đã thành Chánh giác hay chưa thành Chánh giác? Tuy còn hoài nghi, nhưng không nên hoài nghi sự vãng sanh của mình có thành tựu hay chưa thành tựu.

---

rước, còn nếu gặp được thiện tri thức thì hóa Phật đến tiếp dẫn, đây là hoàn toàn nhờ vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

Bậc hạ hạ, các chúng sanh này gây ra nghiệp bất thiện, năm tội nghịch, mười điều ác, đủ các việc bất thiện, do gây ra các nghiệp ác như vậy, cho nên người này chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục, nhiều kiếp không cùng tận. Đến lúc sắp qua đời, nếu gặp được thiện tri thức, dạy xưng hiệu Phật A Di Đà, khuyên cầu vãng sanh. Người này y theo lời dạy đó mà niệm Phật, nhờ niệm Phật mà được vãng sanh. Nếu người này không gặp được thiện tri thức thì chắc chắn sẽ đắm chìm. Nhờ lúc sắp qua đời gặp được thiện tri thức, nên được bảu báu đến rước.”

<sup>22</sup> Trong ba phẩm Hạ bối của Quán Kinh, Hạ phẩm thượng sanh là những chúng sanh tạo tác thập ác trọng tội, lâm chung xưng niệm một tiếng (nhất thanh) ‘Nam mô A Di Đà Phật’ mà được vãng sanh Tịnh độ. Hạ phẩm trung sanh là tội nhân phá giới, một đời hủy phạm ngũ giới, bát giới, cụ túc giới, khi người ấy sắp mạng chung, nghe được một câu danh hiệu ‘Nam mô A Di Đà Phật’, chỉ nghe thôi, chưa kịp xưng niệm liền được vãng sanh. Hạ phẩm hạ sanh là những chúng sanh phạm tội ngũ nghịch, thập ác, lâm chung xưng niệm 10 tiếng ‘Nam mô A Di Đà Phật’ mà được vãng sanh Tịnh độ. Qua ba ví dụ này cho thấy sự cứu độ của Đức Phật nằm ở danh hiệu của Đức Phật, và danh hiệu ‘Nam mô A Di Đà Phật’ tự nó đã đủ, đến nỗi một tiếng hoặc mười tiếng xưng niệm đều có thể dẫn đến vãng sanh.

Nếu có một chúng sanh nào không được vãng sanh thì Đức Phật quyết định không thành Chánh giác.

(26)

Biết được điều này nghĩa là lãnh giải được lời nguyện thứ 18 vậy.

(27)

Nếu thực sự muốn vãng sanh Tịnh Độ, chúng sanh phải tự mình phát nguyện và siêng hành. Nhưng nguyện hành là từ chỗ Bồ tát [Pháp Tạng] gắng chí, còn sự cảm quả thì nơi thân chúng ta kết thành; đó là lý nhân quả siêu dị (vượt khác) thế gian và xuất thế gian. Thế nên, Đại sư Thiện Đạo ca ngợi điều này là “hoằng nguyện của biệt dị”<sup>23</sup>.

(28)

Nguyện hành thành tựu thay cho chúng sanh, trước hết vì chúng sanh thường chìm đắm<sup>24</sup>, sau mới đến người thiện lành.

---

<sup>23</sup> Biệt dị chi hoằng nguyện (別異之弘願): nguyên văn là Biệt ý chi hoằng nguyện (別意之弘願). Đại tín tâm vào Tha lực hoằng nguyện của Đức Phật A Di Đà, đặc biệt là nguyện thứ 18. Tinh yếu của hoằng nguyện là nguyện thứ 18. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246b05: “Đức Ta bà Hóa chủ nhận lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy, liền rộng mở yếu môn Tịnh độ, Đức An Lạc Năng Nhân bày tỏ hoằng nguyện của ‘biệt ý’. Yếu môn đó chính là hai môn định và tán của Quán Kinh này. Định tức là dẹp lo để lắng tâm, tán tức là bỏ ác để tu thiện, hồi hướng hai hạnh này để cầu nguyện vãng sanh. Nói ‘hoằng nguyện’, như trong Đại Kinh nói: ‘Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sanh thì đều nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên.’”

<sup>24</sup> Thường một chúng sanh (常沒衆生): cũng gọi Thường một phàm phu (常沒凡夫). Chỉ cho chúng sanh thường chìm đắm trong cõi mê không thoát ra được. Kinh Niết Bàn quyển 32 (bản Bắc), tỷ dụ 'sông' như biển lớn sanh tử, 'tắm gội' như việc xuất gia thọ giới có công năng thanh tịnh, 'giặc cướp' như phiền não, 'hái hoa' như dùng bảy tịnh hoa làm nhân để cầu quả Niết bàn. Từ các ví dụ trên mà nêu ra 7 hạng người bên sông Hằng: Xiển đề, người trời, nội phàm, tứ quả, Duyên giác, Bồ tát và Phật. Bảy hạng người này, có người xuống sông để tắm gội, có người xuống sông vì sợ giặc cướp, có người xuống sông để hái hoa. Trong đó, hạng người thứ nhất vì sức yếu đuối lại không biết bơi nên bị chìm trong sông; giống như hạng người Xiển đề gần gũi bạn ác, nghe theo tà pháp, vì nghiệp ác sâu nặng lại không có đức tin nên chìm đắm trong sông sanh tử. Hạng người thứ hai tuy có đủ sức khỏe, đã một lần ra khỏi, nhưng vì chưa tập bơi lội nên bị chìm lại, giống như người trời tuy tiến lại lui, đã từng gần gũi bạn lành, lại có tín tâm, nhưng lại gặp bạn ác, nghe theo tà pháp nên lại chìm trong sông sanh tử. Hai hạng người nói trên đều là phàm phu, thường chìm đắm trong sông sanh tử không thoát ra được.



Nếu không thể làm thay [nguyện hành] cho dù một chúng sanh, thì tâm nguyện đại bi không được đầy đủ.

Khi thành tựu nguyện hành cho mỗi một căn cơ chúng sanh, thì Phật mới thành Chánh Giác, và phàm phu [nương nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà] được vãng sanh.

(29)

Danh hiệu bất khả tư nghị của thế nguyện như thế, có ý nghĩa là, “Nếu có ai không nghe, chẳng lấy ngôi Chánh Giác.”

Chúng ta đã nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà Phật, có thể biết sự vãng sanh của chúng ta dĩ nhiên thành tựu.

‘Nghe’, là chẳng phải nghe một cách tùy tiện. Nghe ‘Tha lực bản nguyện bất tư nghị’ mà không có hoài nghi, gọi đó là ‘nghe’.

Được nghe danh hiệu, lại nghe từ ‘Bản nguyện thành tựu’, rồi ‘nhất tâm hướng về tha lực’<sup>25</sup>.

Mặc dù đã thành tựu sự vãng sanh của phàm phu, nhưng nếu không nghe danh hiệu của ‘Bản nguyện thành tựu’ thì làm sao biết được bản nguyện của mình đã thành tựu?

(30)

Cho nên nghe danh hiệu, lễ bái tượng Phật, mà không nghe biết danh hiệu là “Phật vì thành tựu sự vãng sanh của chúng ta”, và không nghĩ tưởng tôn tượng là

---

<sup>25</sup> Chư Phật và Bồ tát đều phát nguyện cứu độ chúng sinh, nhưng bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đặc biệt mang tánh khoan dung. Nói cách khác, trong thời kỳ đầy cả năm thứ vẫn đục, thế giới ác độc (thời đại mạt pháp), nếu một người với tâm chí thành tin vào Tha lực bản nguyện (: nhất hướng tha lực), bất kể nghiệp quá khứ của người đó là thiện hay ác, bất kể người đó tu hành sâu cạn đến đâu, Đức Phật A Di Đà cũng sẽ đến thế giới Ta Bà này và chào đón người đó đi vào Tịnh độ Cực Lạc. A Di Đà Như Lai đã nói rõ điều này trong Bản nguyện của Ngài. Để nhận được sự cứu độ của A Di Đà Như Lai, người ta chỉ cần xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ và niệm Phật mà không cố chấp vào tự lực. Nhất hướng tha lực (一向他力) là chủ trương của Chứng Không (証空, Shōkū, 1177 – 1247), một trong ba đệ tử ưu tú có dòng truyền thừa của Pháp Nhiên Thượng nhân (: Tịnh A, Chứng Không và Thân Loan).

“Thệ nguyện không hư dối mà thành Chánh giác của Tỳ kheo Pháp Tạng: ‘Nếu không thể độ tận chúng ta thì không thành Phật.’” Vậy là, nghe mà như không nghe, thấy mà như không thấy<sup>26</sup>.

(31)

Kinh Bình Đẳng Giác nói:

“*Nghe nói về pháp môn Tịnh độ, hoan hỷ nhảy nhót, lông thân dựng đứng.*”<sup>27</sup>

Đây chẳng phải sự hoan hỷ không có mục đích.

“Ta dù muốn nỗ lực tu hành xuất ly, nhưng không đạo tâm, cũng không có trí tuệ, là người thiếu cặp mắt ‘tri’ và đôi chân ‘hành’, thân thể lún sâu trong hầm lửa ‘ba đường ác’, thế mà nay ‘nguyện hành’ đều từ Phật thể thành tựu, và Chánh giác [của Phật] là để thành tựu ‘cơ pháp nhất thể’.”

Suy nghĩ như vậy, nên ngoài hoan hỷ còn muốn nhảy nhót.

Đại Kinh được diễn đạt:

“*Bấy giờ nghe một niệm,*” và “*Nghe danh hoan hỷ khen.*”<sup>28</sup>

Đây là cùng một ý vậy.

Chẳng cần đuổi đi chỗ khác<sup>29</sup>, [đời này] thấy nghe và biết ngay: ‘danh hiệu là sự vãng sanh của ta đã thành tựu’ và ‘tôn hình là sự vãng sanh của ta đã thành

---

<sup>26</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 264a01: “Nếu có hành giả không ưa thích đức tin, như trong kinh Thanh Tịnh [Bình Đẳng] Giác chép: ‘Nếu có người nghe nói về pháp môn Tịnh độ, nghe mà như không nghe, thấy mà như không thấy, thì nên biết những người này mới từ ba đường ác đến, tội chướng chưa hết, cho nên họ không có lòng tin đối với pháp môn Tịnh độ. Đức Phật nói: Ta nói người này chưa thể giải thoát.’”

<sup>27</sup> Ibid. “Kinh này lại chép: Nếu có người nghe nói về pháp môn Tịnh độ, nghe rồi thì bi hỷ lẫn lộn, lông thân dựng đứng, nên biết người này quá khứ đã từng tu tập pháp này, nay được nghe lại, liền sanh hoan hỷ, chánh niệm tu hành, chắc chắn được sanh.”

<sup>28</sup> Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 441c28 và 441c24.

tự’, gọi đó là ‘nghe danh hiệu’ và ‘thấy tượng Phật’. Lãnh giải lý lẽ này, gọi là ‘tin biết Bản nguyện’.

(32)

Đối với Niệm Phật Tam Muội, người có tín tâm quyết định nên nghĩ như vậy: “Tự thân là Nam mô A Di Đà Phật. Tự tâm là Nam mô A Di Đà Phật.”

(33)

Thân người do tứ đại hòa hợp mà thành; Tiểu Thừa nói do cực vi<sup>30</sup> tạo thành.

Đập nát thân thể cho đến cực vi mà xem đó, công đức của Báo Phật không gì chẳng thanh tịnh. Vậy thì, cái thân ‘cơ pháp nhất thể’ cũng là Nam mô A Di Đà Phật.

(34)

Tâm ta đầy đủ phiền não và tùy phiền não, sanh diệt trong từng sát na.

Xé toạc tâm này ra từng sát na để thấy đó, nguyện hành của Di Đà không đâu chẳng biến khắp. Vậy thì, cái tâm ‘cơ pháp nhất thể’ cũng là Nam mô A Di Đà Phật.

(35)

Tâm Đại bi của Đức Phật A Di Đà sung mãn nơi tâm chúng sanh thường chìm đắm, chính là ‘cơ pháp nhất thể’ Nam mô A Di Đà Phật. Tâm mê đảo của

---

<sup>29</sup> Ý nói ‘chưa chết’, khi còn sống mà thấy tôn tượng và nghe danh hiệu mà lãnh giải được lý lẽ ‘sự vãng sanh của chúng ta đã thành tựu’.

<sup>30</sup> Luận Câu Xá nói: “Trong sắc hữu đối, cái được phân tích đến vi tế cùng cực, không còn phân tích được nữa, được gọi là cực vi.”

chúng ta đầy khắp trong thân pháp giới và công đức của Phật, chính là ‘cơ pháp nhất thể’ của Nam mô A Di Đà Phật.

(36)

Y báo và chánh báo ở Tịnh độ cũng như vậy.

Y báo thì như chiếc lá trên cây báu, vì không phải thể giới cực ác của chúng ta, chính là ‘cơ pháp nhất thể’ của Nam mô A Di Đà Phật.

Chánh báo thì từ tướng lông trắng giữa chân mày, cho đến tướng thiên phúc luân dưới bàn chân đều viên mãn, vì là tôn tướng ‘nguyện hành’ của chúng sanh thường chìm đắm, chính là ‘cơ pháp nhất thể’ của Nam mô A Di Đà Phật.

(37)

Hai pháp sắc tâm của chúng ta, và ba nghiệp, bốn oai nghi, công đức của Báo Phật không đâu chẳng đến. Thế nên, cơ ‘Nam mô’ và khoảnh khắc ‘A Di Đà Phật’ thì không rời xa. Niệm niệm đều là ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

Vậy là, khi thở ra thở vào, không có thời khắc nào tách rời công đức của Phật, đều là thể tánh của Nam mô A Di Đà Phật.

(38)

Tôn giả Phục Nhật La Mạo Địa<sup>31</sup> thường tác pháp thủy quán, bị tâm lực dẫn đi, khiến toàn thân biến thành một ao nước.

---

<sup>31</sup> Phục Nhật La Mạo Địa (縛日羅冒地, Vajrabodhi, 669-741): Kim Cương Trí là một Đại sư Phật giáo. Sư sinh ra trong một gia đình Bà la môn tại Malabar, Nam Ấn. Sư theo học đạo tại Nalanda từ năm lên 10 tuổi. Sau đó Sư đi qua các xứ khác của Ấn Độ và đã học rất nhiều giáo lý Đại thừa gồm Duy Thức Luận, Biện Trung Biên Luận, Du Già Luận. Năm 31 tuổi, Sư đi đến Tích Lan. Tại đây Sư thọ nhận pháp Mật tông từ Đại sư Long Trí (Nagabodhi). Sau khi lưu lại 7 năm và đã am tường Mật giáo, Sư trở về Trung Ấn. Một thời gian sau, Sư lại lên một chiếc thuyền buôn tại cảng Polici, Tích Lan để đi đến Java. Đi theo Sư còn có một đồ đệ 14 tuổi, chính là Ngài Bất Không Kim Cương sau này. Năm tháng sau, Sư tiếp tục du hành sang Trung Quốc và đến nơi vào cuối năm thứ 7 Khai Nguyên (719) nhà Đường. Tại đây Sư lưu lại ở các chùa Tư Thánh và Đại Tiến để dịch kinh. Trong đó có các bộ kinh Kim Cương Đỉnh Du Già được lưu truyền phổ biến. Đến 741 thì Sư viên tịch. Kim Cương Trí đã truyền lại rất nhiều giáo lý Đại Nhật và Kim Cương. Ngài được tôn là bậc Thầy của hệ Kim Cương và Thai Tạng. [Mạo địa (冒地): Bồ đề (Bodhi).]

Nên biết, nếu nhiếp pháp ấy, thì hai pháp sắc tâm cũng trở thành pháp ấy.

(39)

Lãnh giải ‘Niệm Phật Tam Muội’, tâm thân cũng trở thành ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

Khi sự lãnh giải ấy biểu hiện nơi khẩu nghiệp, xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’, đó là chí chân chí mỹ của *hoằng nguyện niệm Phật*<sup>32</sup> vậy.

(40)

Về ‘Niệm Phật’, nó không giới hạn nơi miệng xưng ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

Công đức của A Di Đà Phật, từ sát na của ‘mười kiếp Chánh giác’, tức đã thành nhập căn cơ ‘Quy mạng - Nam mô’. Phát khởi tín tâm như thế, gọi đó là Niệm Phật.

Lãnh giải ý này, biểu hiện nơi khẩu nghiệp, nên xưng ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

(41)

Tâm nguyện của Đức Phật A Di Đà, vì lấy tâm đại từ bi làm gốc, vì lấy sự độ chúng sanh ngu độn làm đầu, vì xưng niệm ‘danh thể bất nhị’<sup>33</sup> của Chánh giác,

---

<sup>32</sup> Nội dung của Quán Kinh nói về ‘yếu môn và hoằng nguyện’, vì lẽ đó nên có hai tông niệm quán: quán Phật của ‘yếu môn’ và niệm Phật của ‘hoằng nguyện’, nên gọi là ‘một kinh có hai tông’. Nhưng mà ‘quán Phật’ là con đường tự lực khó hành trì, đã không phải bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, cũng chẳng phải bản hoài của Đức Thế Tôn, lại chẳng phải chúng sanh trong mười phương có thể thực hành được, mà ‘niệm Phật’ là con đường tha lực dễ hành trì, là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, bản hoài của đức Thích Tôn, chúng sanh trong mười phương có thể thực hành được. Vì thế, ‘phần Lưu thông’ trong Quán Kinh, Đức Thích Tôn không phó chúc pháp yếu môn, mà phó chúc pháp môn niệm Phật, tự Đức Thích Tôn ‘bỏ quán Phật mà lập nên niệm Phật’ (bỏ yếu môn để lập môn hoằng nguyện) nói: “Phật bảo A Nan: Ông khéo thọ trì lời này, thọ trì lời này tức là thọ trì danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ.” Đại sư Thiện Đạo thể ngộ được ý nhất trí của Phật A Di Đà và Đức Thích Tôn mà giải thích: “Ở trên, tôi tuy nói về sự lợi ích của hai môn Định thiện và Tấn thiện, nhưng căn cứ theo bản nguyện của Phật A Di Đà, thì ý của kinh này nằm ở chỗ chúng sanh phải Nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà.” (Quán Kinh Tứ Thiếp Sở)

vì Phật thể đi với danh và danh có đủ ‘thể đức’. Dù là kẻ thiển thức hay người bình tín<sup>34</sup>, ai xưng niệm cũng được vãng sanh.

Kẻ phàm phu hạ căn có niềm tin bình thường và không có mục đích cũng không thể được [vãng sanh]. Khi được nghe và được khai mở cái lý này thì mới bắt đầu phát khởi tín tâm.

(42)

Dù niệm Phật mà không được vãng sanh, Đại sư Đàm Loan giải thích lý do: “*Vì không tương ứng với danh nghĩa.*”<sup>35</sup>

(43)

Nói ‘*tương ứng với danh nghĩa*’, là nhớ nghĩ ‘nhờ công đức lực của Đức Phật A Di Đà mà chúng ta mới được vãng sanh’, để rồi xưng niệm.

Lãnh giải ‘tín tâm biểu hiện nơi ngôn ngữ’, cho nên lấy sự thiện giải sáu chữ ‘Nam mô A Di Đà Phật’ làm ‘ba tâm’.

---

<sup>33</sup> Xem mục (16). Phật thể bản lai là nguyện hành thành mãn. Chẳng những Phật thể đầy đủ nguyện hành, mà danh hiệu cũng đầy đủ nguyện hành. Thể đức của Chánh giác cũng quy về sáu chữ danh hiệu. Đó là danh hiệu có đủ quả đức.

<sup>34</sup> Thiển thức bình tín (淺識平信): nhận thức nông cạn, niềm tin bình thường. Kẻ thiển thức là người không thể phân biệt rõ ràng về sự sanh khởi bản mặt của Phật nguyện. Kẻ bình tín là người không phân biệt được Đạo cũng như cái lý không câu nê, mà chỉ cậy nhờ danh xưng và nguyện lực.

Pháp Nhiên Thượng nhân đã nói về bình tín như sau: “Khi nghe và xưng danh hiệu, Đức Phật A Di Đà chắc chắn rước tôi vãng sanh Cực Lạc, tâm tin không hoài nghi, niệm Phật với tưởng nguyện vãng sanh. Tâm này là tâm có cả ba tâm, nhưng người chỉ có niềm tin bình thường mà niệm Phật thì không biết, không hiểu có ba tâm.”

<sup>35</sup> Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, giải thích kệ tụng: “**Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng hết mười phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyên sanh An Lạc quốc, Con y Tu-đa-la, Tướng công đức chân thật, Nói nguyện kệ tống tri, Tương ứng lời Phật dạy.**”: “**Như danh nghĩa kia, muốn như thật tu hành tương ứng:** danh hiệu của Vô Ngại Quang Như Lai kia có thể phá hủy tất cả vô minh của chúng sanh, có thể thỏa mãn tất cả chí nguyện của chúng sanh. Tuy nhiên, có người xưng danh và nhớ nghĩ mà vô minh vẫn còn, các nguyện không thỏa mãn, đó là sao vậy? Do vì không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa. Thế nào là không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa? Là vì không biết Như Lai là Thật tướng thân, là Vị vật thân. Lại nữa, có ba loại không tương ứng: một là, tín tâm không thuần, vì khi còn khi mất; hai là, tín tâm bất nhất, vì không quyết định; ba là, tín tâm không tương tục, vì các niệm khác xen vào. Ba câu này triển chuyển làm thành cho nhau. Vì tín tâm không thuần, nên không quyết định; không quyết định, nên niệm không tương tục. Cũng có thể là, vì niệm không tương tục, nên không có được quyết định tín; không có được quyết định tín, nên tâm không thuần. Ngược lại với điều này, gọi là như thật tu hành tương ứng. Thế nên luận chủ [Thế Thân] mới thốt lên: **Con nhất tâm.**”

Vì nghĩ nhớ công đức của Phật đã thành nhập nơi thân ta, mà miệng xưng ‘Nam mô A Di Đà Phật’, tức là niệm Phật với ‘ba tâm đầy đủ’.

(44)

Người tự lực niệm Phật là đem Đức Phật đặt ở phương Tây, lấy thân mình làm kẻ phàm phu trống trơn<sup>36</sup>, cũng có lúc nghĩ tưởng đến tha lực của Phật mà xưng danh hiệu, nhưng Phật cùng chúng sanh mãi xa cách.<sup>37</sup>

Lúc đạo tâm chớm khởi thì biết đến gần với sự vắng sanh. Khi niệm Phật với tâm chán nản, thờ ơ với đạo tâm, thì sự vắng sanh cũng rất bất định.

Với cái tâm phàm phu, hiếm khi phát khởi đạo tâm, cho nên tự thân thường làm sự vắng sanh bất định. Đợi đến lúc lâm chung, vẫn không có cái tâm quyết định. Miệng tuy thường xuyên xưng danh hiệu, nhưng thật khó có thể trông cậy sự vắng sanh.

(45)

Giống như một cận thần ở hoàng cung, khi muốn được tham kiến quân vương, phải nghĩ làm sao nhận sự đồng ý. Cũng vậy, tâm trí hành giả phải nghĩ cách nào để hợp ý Phật, đi theo Đức Phật và muốn nương ân đức vắng sanh. Với tâm niệm như thế, thì sự an tâm của căn cơ và lòng đại bi của Đức Phật tách rời nhau, và thân thể thường gần mà xa Đức Phật. Nếu đúng như vậy thì sự vắng sanh thật là cực kỳ bất định.<sup>38</sup>

---

<sup>36</sup> Không bạch phàm phu (空白凡夫): chỉ cho phàm phu ngu si, không tiếp nhận pháp, tưởng tự thân vẫn như cũ là bản lai.

<sup>37</sup> Nói rằng người niệm Phật bằng tự lực thì đặt Phật ở phương Tây, nơi Phật là Phật và ta là ta, là hai, không là ‘bất nhị’. Không biết lẽ Đạo ‘cơ pháp nhất thể’, rằng là Đức Phật thường nhiếp thủ không bỏ chúng sanh niệm Phật, và Đức Phật luôn ở trong thân tâm của chúng ta. Nếu chúng ta bỏ Phật mà đặt Ngài ở phương Tây thì tất nhiên không có cách nào để chúng ta được Đức Phật nhiếp thủ không bỏ, và như thế, chính chúng ta đã từ bỏ sự hộ niệm của Phật. Đức Phật theo ý của chúng sanh, sẽ không ép uổng chúng ta.

<sup>38</sup> Đây là do hành giả không biết gốc ngọn sanh khởi của bản nguyện Phật, không biết nguyện lực đại bi của Phật. Loại căn cơ này nằm ngoài tâm quang ‘nhiếp thủ bất xả’ của Phật, cho nên xa cách Phật cho nên sự

(46)

Nói về Niệm Phật Tam muội: Nguyên hành đại bi của Báo Phật Di Đà xưa nay đi vào trong tâm tưởng của chúng sanh ở cõi mê mà không hề nhận biết.<sup>39</sup> Hôm nay tin biết rằng, đó là từ Chánh giác của Phật mới thành tựu ‘cơ pháp nhất thể’ của ‘Nam mô A Di Đà Phật’.<sup>40</sup>

Nguyên hành [của chúng sanh] đều từ Phật thể thành tựu, cho nên nói tay lễ bái, miệng xưng danh, tâm tin tưởng, tất cả đều được thành tựu từ tha lực.

(47)

Để hiểu rõ Niệm Phật Tam muội của ‘cơ pháp nhất thể’, pháp quán thứ tám [trong Quán Kinh] nói: “*Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào khắp trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh.*”

Ngài Thiện Đạo giải thích điều này rằng: “*Nói ‘pháp giới’, đó là cảnh sở hóa, tức là chúng sanh giới.*”<sup>41</sup>

---

vãng sanh ‘cực kỳ bất định’. Sở dĩ dùng từ ‘cực kỳ’, là vì chúng ta không tin, không biết nguyên lực của Phật, và không thể an trú trong sự nhiếp thủ ‘đại bi quang’ của Đức Phật A Di Đà.

<sup>39</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Vi chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào khắp trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, nên lúc các người tâm tưởng Phật, tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật.”

<sup>40</sup> A Di Đà Phật là Nguyên hành. Nam mô là Tín. Thành tựu vãng sanh là Cơ. Chánh giác là Pháp.

<sup>41</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 267a09: "Nói pháp giới có ba nghĩa:

(1) Tâm biến khắp nên hiểu pháp giới.

(2) Thân biến khắp nên hiểu pháp giới.

(3) Vô chướng ngại nên hiểu pháp giới.

Chính vì tâm đảo nên thân cũng đảo theo. Thân tùy thuộc nơi tâm, nên gọi là thân pháp giới.

Nói 'pháp giới', đó là cảnh sở hóa, tức là chúng sanh giới.

Nói 'thân', đó là thân năng hóa, tức chư Phật thân.

Nói 'nhập vào tâm tưởng của chúng sanh', là do chúng sanh khởi niệm, nguyện được thấy chư Phật thì Đức Phật liền dùng trí vô ngại mà biết, tức là năng hiện nhập vào tâm tưởng chúng sanh. Nếu các hành giả trong khi tưởng niệm, lúc nằm mộng hay trong thiền định mà thấy Phật, thì thành được nghĩa này."

Chúng sanh giới (衆生界): Đối lại với Phật giới. Trong mười giới, trừ Phật giới ra, còn gọi chung chín giới kia là Chúng sanh giới, tức địa ngục giới, ngạ quỷ giới, a tu la giới, nhân giới, thiên giới, Thanh văn giới, Duyên giác giới và Bồ tát giới. Còn chỉ cái thế giới sinh sống của chúng sanh.



(48)

Không nói chúng sanh định tán, chẳng luận chúng sanh đạo tâm, lấy chúng sanh của pháp giới làm sở hóa.

“Nói ‘*pháp giới*’, đó là cảnh sở hóa”, giải thích là “*chúng sanh giới*”, đúng vậy.

Nói “*Chính do tâm đảo nên thân cũng đảo theo*”: công đức của thân tâm Di Đà nhập vào đầy nơi thân tâm chúng sanh, cho nên nói “*Vào khắp trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh.*”

(49)

Tin tưởng những lời này, gọi đó là ‘Niệm Phật Tam muội’.

(50)

Lại đối với ‘chân thân quán’<sup>42</sup>, có giải thích rằng, “*Ba nghiệp của chúng sanh niệm Phật cùng với ba nghiệp của A Di Đà Như Lai không rời bỏ nhau.*”<sup>43</sup>

(51)

Chánh giác của Phật là do sự vãng sanh của chúng sanh mà thành tựu.<sup>44</sup> Sự vãng sanh của chúng sanh là do Chánh giác của Phật mà thành tựu. Ba nghiệp của chúng sanh cùng với ba nghiệp của Phật toàn là nhất thể.<sup>45</sup>

---

<sup>42</sup> Chân thân quán (真身觀): Là một trong mười sáu phép quán được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Khi quán tưởng, lấy thân bình đẳng của Như Lai tràn khắp pháp giới làm đối tượng, gọi là Chân thân quán. Kinh Quán Vô Lượng Thọ bảo, nếu quán tưởng chân thân của đức Phật A Di Đà, thì có thể thấy hết thấy chư Phật ở mười phương, cho nên phép quán tưởng này còn được gọi là Biến quán nhất thiết sắc thân tướng.

<sup>43</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 268a08: “Về thân duyên (親緣): Chúng sanh khởi hành: miệng thường xưng Phật, Phật liền nghe đó; thân thường lễ kính Phật, Phật liền thấy đó; tâm thường niệm Phật, Phật liền biết đó. Chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, thì Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của chúng sanh và Phật không rời bỏ nhau, đó gọi là Thân duyên.”

<sup>44</sup> Đây là lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà. Vì muốn tất cả chúng sanh được vãng sanh, Ngài phát nguyện thề rằng, nếu chúng sanh không được vãng sanh thì không lấy ngôi Chánh giác. Để viên mãn sở nguyện, Ngài đã trải qua thời gian ‘triệu tải vĩnh kiếp’ tu hành ba nghiệp, mới có thể thành tựu nguyện hành viên mãn. Nguyện hành mà Đức

(52)

Ngoài Chánh giác của Phật, không có sự vãng sanh của chúng sanh.

Nghe và biết rằng, ‘nguyện hành’ [của chúng sanh] đều từ Phật thể mà thành tựu, gọi đó là ‘chúng sanh niệm Phật’.

Dem tín tâm này biểu lộ nơi khẩu nghiệp mà xưng ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

(53)

Vì đã trở thành hành giả niệm Phật, cho dù có ý nghĩ rời xa Phật cũng không thể có khoảng cách ‘bụi trần’.<sup>46</sup>

(54)

Từ Chánh giác của Phật mới thành tựu Nam mô A Di Đà Phật, ‘cơ pháp nhất thể’, cho nên sự ‘thất niệm xưng danh’ của căn cơ Hạ hạ phẩm tuy là vô tri, vô thức, mà cũng được vãng sanh.<sup>47</sup>

---

Phật đã tu tập, và thành tựu Phật quả, đều là vì chúng sanh, vì viên mãn sự vãng sanh của chúng sanh, cho nên nói: ‘Chánh giác của Phật là do sự vãng sanh của chúng sanh mà thành tựu.’

<sup>45</sup> Cao Tăng Hòa Tán nói: “Ba nghiệp trang nghiêm của chư Phật, Ba nghiệp ấy rất ráo bình đẳng, Phật nói đó chính là sửa chữa, Chúng sanh thân, miệng, ý hư dối.”

<sup>46</sup> Không có khoảng cách giữa chúng ta và Đức Phật, bởi vì ‘cơ pháp nhất thể’. Hành giả niệm Phật được quang minh của Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ bất xả, cho nên bất cứ lúc nào cũng được nhiếp thọ bởi quang minh của Phật. Đi, đứng, ngồi, nằm đều ở trong quang minh của Đức Phật. Lãnh nạp ba nghiệp công đức của Đức Phật A Di Đà để thực hành hạnh của Phật, thường sống trong quang minh nhiếp thủ của Phật.

<sup>47</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệm pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng nếu người chẳng phải niệm Phật kia được, thì người xưng danh hiệu Phật A Di Đà, như vậy chí tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt đủ mười niệm. Nên xưng như vậy: Nam mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa dường như mặt nhật trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói Thật tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội. Người ấy nghe pháp rồi, rất vui mừng liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là người Hạ phẩm Hạ sanh vậy.”

Chẳng phải xứng thời mới được vãng sanh. Sự vãng sanh vốn là vì ‘căn cơ cực ác’ mà thành tựu, biểu hiện nơi việc xưng danh.

(54)

Lại nữa, Đại Kinh nói: Lúc Tam bảo diệt tận, chúng sanh không nghe biết cái tên Tam bảo, mà chỉ xưng ‘một niệm’ [danh hiệu A Di Đà Phật] cũng được vãng sanh, chứ chẳng phải xứng thời mới được vãng sanh.<sup>48</sup>

Đây là từ Phật thể thành tựu mà hành nguyện đã huân tu biểu hiện ở chỗ ‘một tiếng xưng danh’, và thành tựu sự vãng sanh là một đại sự [của Đức Phật A Di Đà].

(55)

Với sự lãnh giải như thế, hôm nay và bây giờ chúng ta có thể được toại nguyện vãng sanh. Sự thể đó chẳng phải là do tâm ta hiền minh, hay là tâm lực ta có khả năng xưng niệm Phật, có khả năng tin vào tha lực, mà đây là công đức dưng mãnh tinh tiến tu hành của Phật, và ở sát na của mười kiếp Chánh giác, Phật đã thành tựu xứ sở cho chúng ta, biểu hiện qua sự dẫn nhập [mọi sự cho chúng ta].<sup>49</sup>

(56)

Công đức của giác thể tuy đồng thời thành tựu nơi thân của chúng sanh mười phương, nhưng có người ngày xưa biểu hiện, cũng có người ngày nay biểu hiện. Đã vãng sanh, đang vãng sanh và sẽ vãng sanh, ba đời vãng sanh tuy bất đồng, nhưng chánh nhân hoằng nguyện [của Phật] luôn hiển hiện sự dẫn nhập

---

<sup>48</sup> Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Này Di Lặc! Có ai được nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ Phật mà hớn hở vui mừng cho đến chừng một niệm, phải biết người ấy đã được lợi ích rất lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.”

<sup>49</sup> Điểm trọng yếu phi thường ở đây là, niệm Phật được một niệm, an tâm khởi hạnh, toàn là do nguyện lực của Phật mà thành tựu. Khả năng tin tưởng vào tha lực là do nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, là do công đức ‘huân tu’ của Phật hiển lộ khiến cho ta có tín tâm.

[chúng sanh]. Ngoài nguyện hành của Phật, không cần các căn cơ thêm một cái gì khác, dù là tín hay hành.<sup>50</sup>

(57)

Nói ‘niệm Phật’, là niệm nguyên lý này<sup>51</sup>. Nói ‘hành’, là hoan hỷ điều này mà cung kính, khuyến xưng, lễ bái, ức niệm.

Thế nên, Chánh giác của Phật và hành của chúng sanh là nhất thể, không tách rời.

Nói ‘thân’, là còn ‘sơ’. Nói ‘cận’, là còn ‘viễn’.

Nên biết rằng, luận về ‘năng niệm’ và ‘sở niệm’ phải là ‘nhất thể’.<sup>52</sup>

---

<sup>50</sup> Có những người đã được vãng sanh, những người hiện đang được vãng sanh và những người sẽ được vãng sanh trong tương lai. Bất chấp điều này, không có chúng sanh nào đóng góp vào quá trình vãng sanh này, vì Đức Phật A Di Đà đã thực hiện Chánh giác để thành tựu sự vãng sanh cho tất cả chúng sanh. Như vậy, chúng ta không cần phải lo lắng về sự vãng sanh của mình; tất cả những gì chúng ta cần làm là hiểu rằng, Đức Phật quả thực đã đạt được giác ngộ viên mãn, nên sự vãng sanh của chúng sanh vốn đã thành tựu từ “nhất niệm Chánh giác”.

<sup>51</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, nói: “Hỏi: Tu hành đầy đủ các nguyện hành, hồi hướng sẽ được vãng sanh. Thế thì vì sao Đức Phật dùng quang minh chiếu khắp chúng sanh nhưng chỉ nhiếp người Niệm Phật? Như thế là có ý gì?”

Đáp: Ở đây cũng có ba ý nghĩa:

Về thân duyên (親緣), tức là chúng sanh khởi hạnh, miệng thường niệm danh hiệu Phật, thì Đức Phật sẽ nghe, thân thường lễ kính Đức Phật, thì Đức Phật sẽ thấy, tâm thường Niệm Phật, thì Đức Phật sẽ biết, chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, thì Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba nghiệp của Phật và chúng sanh không bao giờ rời nhau, đó gọi là thân duyên.

Về cận duyên (近緣), tức là chúng sanh nguyện muốn thấy Phật, Phật sẽ ứng niệm thị hiện ngay trước mặt, đó gọi là cận duyên.

Nói về tăng thượng duyên (增上緣), tức là chúng sanh xưng niệm danh hiệu Phật, thì sẽ dứt trừ tội lỗi trong nhiều kiếp, đến lúc qua đời thì sẽ được Đức Phật và các Thánh chúng đến đón rước, các tà nghiệp trôi buộc không thể làm chướng ngại, đó gọi là tăng thượng duyên.

Các hạnh khác, tuy cũng gọi là thiện, nhưng nếu so sánh với công hạnh Niệm Phật, thì hoàn toàn không thể so sánh được. Do đó mà bất cứ kinh nào cũng khen ngợi về công năng Niệm Phật, như bốn mươi tám lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ nói về chuyên tâm niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà sẽ được vãng sanh. Lại như trong Kinh A Di Đà nói chỉ chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày thì sẽ được vãng sanh và vô lượng Chư Phật trong mười phương đã chứng minh lời nói đó không lường dối.”

<sup>52</sup> Đối với hành giả niệm Phật, nguyên lý niệm Phật nằm ở thân duyên và cận duyên. Đó là niệm ơn Phật, cảm ơn Phật, và trong tâm luôn có Phật. Dù không có tượng Phật, nhưng tâm luôn nghĩ nhớ Phật như là Phật đang ở bên cạnh. Niệm Phật là để cảm niệm ơn Phật, nghĩ báo đáp ơn Phật, chứ không phải là tích chứa công đức, không nhu cầu định tâm, không có gánh nặng, không mong cầu gì. Biết sâu sắc rằng mình đã được quang minh của Phật nhiếp thủ bất xả, sự vãng sanh đã được thành tựu. Biết sâu sắc rằng sự vãng sanh đã thành tựu, hành giả được nhờ ơn nhiếp thủ bất xả của Đức Phật A Di Đà, đó là đạo lý khiến người niệm Phật an tâm. Tâm trí người ấy được an, nên việc vui mừng là điều tất yếu. Bởi vì một đại sự cho đời sau đã được quyết định nên không cần phải lo lắng. Khi tâm an lạc thì hoan hỷ, khởi tâm động niệm thì chỉ có Nam mô A Di Đà Phật. Đây là hành động cảm niệm ơn Phật

(Hết quyển thượng)

(59)

Luận Vãng Sanh nói: “*Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sanh.*”<sup>53</sup>

(60)

Người có được đại tín tâm là bởi tha lực<sup>54</sup>, nên nói là “*tịnh hoa chúng*”. Đây giống với “*Chánh giác hoa hóa sanh*”.

(61)

Nói “*Chánh giác hoa*”, là [Phật] lấy sự vãng sanh của chúng sanh làm một cuộc đánh cược.<sup>55</sup> Khi Bồ tát Pháp Tạng phát thệ “*Nếu không được sanh, chẳng lấy ngôi Chánh giác*” là để thành tựu nguyện hành cho chúng sanh mười phương, thành tựu ‘cơ pháp nhất thể’ qua tâm từ bi của Chánh giác, và được hiển hiện bằng ‘tâm liên hoa’<sup>56</sup>, nên nói là “*Chánh giác hoa*”.

---

ngang qua khẩu nghiệp. Phật thể và chúng sanh là một, là ‘cơ pháp nhất thể’. Đức Phật khổ tâm tu trì ‘ngũ kiếp tư duy’, ‘triệu tải vĩnh kiếp’ là vì chúng sanh, và công đức lợi ích đều quy hướng chúng sanh mà thành tựu. Thế nên, khi niệm Nam mô A Di Đà Phật nên biết nguyên lý này, thì có thể lãnh giải ơn Phật và hạnh Phật vậy.

<sup>53</sup> Như Lai là Đức Phật A Di Đà. Thanh tịnh chúng vãng sanh quốc độ Cực Lạc đều là hóa sanh trong hoa sen, thanh tịnh trang nghiêm, nên gọi là Tịnh hoa chúng. Tịnh hoa và Chánh giác hoa là cùng một ý.

<sup>54</sup> Tha lực chi đại tín tâm (他力之大信心): Thuật ngữ này cũng có thể được hiểu đơn giản là “tâm trí rất tin tưởng vào Tha lực”. Tuy nhiên, Tha lực là một thuật ngữ trung tâm trong cả hai trường phái Chân tông và Tây Sơn. Thân Loan Thánh Nhân thường xuyên sử dụng những cách diễn đạt và trạng thái tương tự, “Tha lực là phó thác bản thân lời nguyện thứ mười tám”. Ở đây, ‘phó thác vào Tha lực’ diễn tả khái niệm tín tâm của Thân Loan như sự được nhiếp thủ, dẫn nhập chúng sanh bởi Đức Phật A Di Đà. Từ góc độ phái Tây Sơn, thay vào đó, mối quan hệ tín tâm và tha lực có thể được hiểu dựa trên cơ sở ‘cơ pháp nhất thể’. Cái tâm quy mạng thì bất nhị với Phật quả hay Chánh giác của Đức Phật A Di Đà.

<sup>55</sup> Đức Phật A Di Đà coi việc thành Chánh giác như một cuộc đánh cược, lấy sự vãng sanh của tất cả chúng sanh làm ván cược và mục tiêu, chỉ có sự vãng sanh của tất cả chúng sanh mới thành tựu Phật đạo.

<sup>56</sup> Tâm liên hoa (心蓮華): Tâm từ bi của Như Lai ví như hoa sen.

(62)

Pháp quán thứ bảy<sup>57</sup> nói đây là ‘pháp trừ khổ não’<sup>58</sup>. Hạ phẩm hạ sanh nói ‘hoa sen đến đón chúng sanh ngũ nghịch’<sup>59</sup>.

(63)

Tâm Phật dụ như hoa sen là vì giác thể không bị nhuốm bẩn bởi vũng lầy phiền não của phàm phu.

(64)

Vì sao nói như thế? Vì hoa sen được sanh từ tâm Phật vậy.

(65)

Đàm Loan giải thích: “*Đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác, xa thông bốn biển đều là anh em một nhà.*”<sup>60</sup>

(66)

---

<sup>57</sup> Pháp quán thứ bảy là Hoa tòa tưởng (華座想). Cũng gọi Hoa tòa quán. Quán tưởng tòa sen trang nghiêm của đức Phật A Di Đà, là pháp quán thứ 7 trong 16 pháp quán của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh Quán vô lượng thọ (Đại 12, 342 hạ), nói: “Trên đất bảy báu, quán tưởng hoa sen, mỗi cánh sen có trăm màu sắc báu. Mỗi cánh có tám vạn bốn ngàn đường gân, giống như trời vẽ ra, mỗi gân có tám vạn bốn ngàn tia sáng, đều thấy được rõ ràng, cánh hoa bé nhỏ cũng rộng tới 250 do tuần. Thế mà mỗi hoa sen có tám vạn bốn ngàn cánh lớn thì rộng biết bao nhiêu; trong mỗi cánh sen có trăm ức hạt châu ma ni vương, mỗi hạt châu ma ni vương phóng ra ngàn ánh sáng lấp lánh, ánh sáng ấy giống như tàn lọng do bảy thứ báu hợp thành, che khắp mặt đất. Tòa sen này lấy Thích Ca tỳ lăng già ma ni bảo làm đài, (.....) nơi nơi đều biến hóa ra các tướng lạ, hoặc làm đài kim cương, hoặc là lưới chân châu, hoặc làm mây hoa ở khắp mười phương, tùy ý biến hiện mà thi tác Phật sự.”

<sup>58</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ kỹ đó. Ta sẽ vì các người phân biệt giải thuyết pháp trừ khổ não. Các người ghi nhớ, thọ trì, rộng vì đại chúng phân biệt giải thuyết.”

<sup>59</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa dường như mặt nhật trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở.”

<sup>60</sup> Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyễn Sinh Kế Chú, quyển hạ, tr. 838b02: “Ở quốc độ An Lạc kia, không ai không phải là Chánh giác tịnh hoa hóa sanh của A Di Đà Như Lai. Đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác, xa thông bốn biển đều là anh em một nhà. Quyển thuộc nhiều vô số, sao có thể nghĩ bàn được?”

Cơ ‘thiện ác’ và vị ‘chín phẩm’ tuy khác nhau, nhưng đều nương nguyện hành của tha lực, cùng về bản thể Chánh giác, tất cả không khác nhau, cho nên nói, “*Đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác.*”

(67)

Lại nữa, người vãng sanh trước cũng quy về ‘nguyện hành của tha lực’ mà vãng sanh. Người vãng sanh sau cũng quy về ‘nhất niệm của Chánh giác’ mà vãng sanh. Đi đến trong ‘tâm liên hoa’, nên nói là “*Bốn biển đều là anh em một nhà.*”

(68)

“*Quán thấy thân Phật, cũng thấy tâm Phật. Phật tâm là đại từ bi tâm.*”<sup>61</sup>

Tâm Phật thương nghĩ chúng ta, thấu vào cốt tủy, gắn liền không rời. Dù như ngọn lửa cháy, nó bám dính nơi than củi, muốn tách lìa chẳng được.

Tâm quang ‘nhiếp thủ’ chiếu rọi trên chúng ta, thấm đẫm từ cơ thể đến tận tủy.

Tâm ấy, không đâu không nhuộm công đức của Phật, ngay cả cái tâm đầy ba độc phiền não.

(69)

Cái chỗ ‘Cơ pháp bản lai nhất thể’ mà nói: Nam mô A Di Đà Phật.

(70)

Người đã phát khởi tín tâm này, dù tại khẩu nghiệp niệm Phật, lúc xưng lúc nghĩ, cũng gọi là chúng sanh thường niệm Phật.

---

<sup>61</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Quán tướng đây gọi là quán thân tất cả Phật, vì quán thân Phật nên cũng thấy tâm Phật. Phật tâm là đại từ bi tâm, dùng từ vô duyên nhiếp thọ các chúng sanh.”

(71)

Trong ba duyên<sup>62</sup>, sự giải thích ‘miệng thường’ và ‘thân thường’ là ý này.

Tin vào công đức ba nghiệp của Phật, và tin ba nghiệp của chúng sanh cùng với Phật trí của Như Lai là đồng nhất thể, và công đức tu hành trường thời của Phật đều biểu hiện nơi thân, khẩu, ý của chúng sanh.

(72)

Lại nữa, triều đại Lương, Phó Đại Sĩ<sup>63</sup> là bậc thâm ngộ Đại thừa, cũng là một Thánh giả thông đạt ngoại điển. Ngài có nói:

“Sáng sáng cùng Phật dậy, Đêm đêm ôm Phật ngủ.”<sup>64</sup>

---

<sup>62</sup> Ba duyên: thân duyên, cận duyên và tăng thượng duyên.

<sup>63</sup> Phó đại sĩ (傅大士, 497-569), tên thật là Phó Hấp (傅翕), tự Huyền Phong (玄風), hiệu là Thiện Tuệ đại sĩ (善慧大士), người huyện Nghĩa Ô, Vụ Châu, sống vào thời Nam Bắc Triều. Ngài cùng với tổ Đạt Ma và Bảo Chí Công được người đời gọi là Lương Đại Tam Đại Sĩ (ba vị đại sĩ đời Lương). Ngài còn có các mỹ hiệu Hành Ngư đại sĩ, Song Lâm đại sĩ (雙林大士), Đông Dương đại sĩ (東陽大士), Ô Thương cư sĩ (烏傷居士). Theo Tục Cao Tăng Truyện, Ngài thị hiện thân phận cư sĩ, mưu sinh bằng nghề đánh cá, ẩn cư tại núi Vân Hoàng, tự xưng là Song Lâm Thụ Hạ Dương Lai Giải Thoát Thiện Tuệ đại sĩ, chứng đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, tuyên dương tín ngưỡng Di Lạc, có nhiều sự tích thần dị. Nghe danh, Lương Vũ Đế vời Ngài đến hỏi đạo, qua một phen vấn đáp, vua hết sức tôn trọng, kính mến. Vua đã vì Ngài sáng lập chùa Song Lâm. Cách giảng kinh của Ngài độc đáo, chứa đầy Thiền cơ. Vì thế, hai vị Bảo Chí Công và Phó đại sĩ được coi là người dọn đường cho tổ Đạt Ma hoàng dương Thiền pháp tại Trung Hoa.

Sách Phật Tổ Thống Ký, quyển 37, tr. 350b21, ghi: "Năm thứ sáu, Cư sĩ Phó Hấp ở Ô Thương, đến núi Tòng cất am cỏ ở khoảng rừng Song Đào, tự đặt hiệu là Song Lâm, bảo đời sau sẽ hạ sanh làm Thiện Tuệ Đại sĩ. Sai đệ tử mang thơ đến Cung Khuyết gọi vua là Quốc Chủ Cứu Thế Bồ tát. Vua ban chiếu đáp rằng: 'Đại sĩ vì cứu độ chúng sanh muốn đến đây tùy ý!' Vua ra lệnh khóa cửa thành để xem sự linh dị. Đại sĩ rút trong tay áo cái chày gỗ, giơ một cái các cửa đều mở toang, rồi vào yết kiến vua ở điện Thiện Ngôn, trình lên ba lời khen, không lạy, đến ngồi thẳng lên giường hẹp mà đáp lời vua. Vua đãi cơm chay, ăn xong thì trở ra Chung Sơn ngồi nhập định dưới rừng tòng. Một hôm Đại sĩ khoát nạp y, đầu đội mũ, đi giày cỏ vào yết kiến vua. Vua hỏi: Là Tăng chăng? Ông lấy tay chỉ mũ. Là Đạo sĩ chăng? Ông chỉ giày. Là kẻ tục chăng? Ông chỉ nạp y. Thiền sư Phần Dương Chiêu nói thay rằng, Đại sĩ có nhiều tài."

<sup>64</sup> Thiện Tuệ Đại Sĩ Ngữ Lục: "Đêm đêm ôm Phật ngủ, Sáng sáng cùng Phật dậy, Đứng ngồi vẫn theo nhau, Nói nín đồng vừa vắn, Mây tơ chẳng lìa nhau, Tương tự như hình bóng, Muốn biết chỗ Phật đi, Lời nói âm thanh đó." (Dạ dạ bảo Phật miên, Triều triều hoàn cộng khởi, Khởi tọa trần tương tùy, Ngữ mặc đồng cư chỉ, Tiêm hào bất tương ly, Như thân ảnh tương tự, Dục thức Phật khứ xứ, Chỉ giá ngữ thanh thị. 夜夜抱佛眠, 朝朝還共起, 起坐鎮相隨, 語默同居止, 纖毫不相離, 如身影相似, 欲識佛去處, 祇這語聲是.) Thiện Tuệ Đại Sĩ Ngữ Lục, 4 quyển, do ngài Thiện Tuệ Phó Hấp (497-569) soạn thuật vào đời Lương thuộc Nam triều, được thu vào Vạn Tục Tạng, tập 120. Nội dung sách này thu chép các yếu ngữ, hành trạng và thi ca của Thiện Tuệ đại sĩ Phó Hấp, đồng thời chép cả truyện ký của một số người đến hỏi đạo nơi Đại sĩ, do ông Lâu Dĩnh biên tập vào đời Đường, nguyên có 8 quyển, nhưng văn rườm rà, lộn xộn, tiếng dùng quê mùa. Bởi thế, vào năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống, quan An phủ sứ Đông lộ Lưỡng chiết là Lâu Chiêu mới lược bỏ những chỗ dài dòng, lảm lẩn mà san định lại còn 4 quyển.



Đây tuy chỉ cho Đức Phật ‘lý chân như’<sup>65</sup> của pháp môn thông đồ<sup>66</sup> Thánh đạo, nhưng nếu ai từ tu hành mà được hội ý, thì may mắn không trái ngược.

Hành giả bị soi chiếu và hộ trì bởi ‘tâm quang nhiếp thủ’ cũng lại như vậy:

“Sáng sáng nắm công đức Báo Phật mà dậy, đêm đêm ôm Phật trí Di Đà mà ngủ.”

(73)

Công đức của Phật, với cơ ‘sơ viễn’ (không thân thiết), sẽ như thế nào?

Lý ‘Chân như pháp tánh’ tuy ở sát bên, với cơ ‘bất ngộ’ thì cái lực có chỗ không đạt đến.

(74)

Không cần cái lực của ta, cũng không cần sự ngộ của mình, hãy nắm chặt nguyện hành tha lực nơi thân. Không có lý nào để bị trói buộc bởi tâm chấp trước, trở lại cảnh giới lưu chuyển. Thực sự đáng buồn thương.

(75)

Đức Thích Tôn đã thương xót thế nào, đã qua lại Ta Bà tám ngàn lần mà không thành công. Đức Di Đà cũng buồn bã làm sao, khó giáo hóa<sup>67</sup> và hóa độ được mà không hiệu quả.

---

<sup>65</sup> Lý chân như mà mười phương ba đời tất cả chư Phật cùng chứng, Phật Phật đạo đồng, gọi đó là ‘Như’. Thuyền từ ‘quay trở lại’ của chư Phật đến nhân gian thuyết pháp độ sanh, thị hiện có sanh diệt, khứ lai, gọi đó là ‘Lai’.

<sup>66</sup> Đại sư Ấn Quang nói rằng Phật pháp có pháp môn thông đồ (đường chung) và pháp môn đặc biệt. Pháp môn thông đồ cũng là Thánh đạo pháp môn, tu tập giới, định, tuệ, để diệt trừ tham, sân, si. Pháp môn đặc biệt không đi theo con đường giới, định, tuệ, đoạn trừ tham, sân, si và đạt được Thánh quả, mà là nương vào lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà, xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà và vãng sanh Tịnh độ. Sở dĩ đặc biệt là vì không cần đoạn tận tham, sân, si. Nếu không có năng lực đoạn tận tham, sân, si, vẫn có thể nương nguyện lực của Đức Phật để được vãng sanh Tịnh độ.

<sup>67</sup> Phẩm Hiện bệnh trong kinh Niết Bàn, quyển 11 (bản Bắc) nêu ra 3 loại chúng sanh khó giáo hóa là: (1) Báng Đại thừa: Người chê bai giáo pháp Đại thừa. (2) Ngũ nghịch: Người phạm 5 tội nghịch. (3) Nhất kiến đề: Người nghe chánh pháp cũng không tin. Ba loại người khó giáo hóa trên đây được gọi chung là Nan hóa tam cơ (難化三機), cũng ví dụ như chứng bệnh khó trị, cho nên còn gọi là Nan trị tam bệnh (難治三病), Nan trị cơ (難治機). Đối với 3

(76)

Người có được tín tâm vào nguyện hành bất tư nghị, dù chỉ một người, thì là chân thành báo đáp ơn Phật vậy.

Thế nên, An Lạc Tập nói:

*“Đã có tha lực để nương nhờ, không được tự giới hạn phạm mình ở trong nhà lửa.”*<sup>68</sup>

Thành thực thay lời này!

Thay đổi mê chấp tự lực để chuyển thành niềm tin tha lực.

Giải thích rằng: *“Nỗ lực chuyển mê trở về nhà.”*<sup>69</sup>

Lại giải thích rằng: *“Về đi thôi, cõi ma không thể dừng.”*<sup>70</sup>

(77)

Lại nữa, Pháp Sư Tán nói:

*“Cực Lạc vô vi, Niết bàn giới  
Tùy duyên tạp thiện sợ khó sanh  
Bởi thế Như Lai tuyển yếu pháp  
Dạy niệm Di Đà chuyên càng chuyên.”*<sup>71</sup>

(78)

---

loại chúng sanh này, các giáo pháp của hàng Tam thừa không cứu được, chỉ có giáo pháp Nhất thừa mới có thể cứu được. Tịnh độ Chân tông của Phật giáo Nhật Bản thì cho rằng, chỉ có bản nguyện của Đức Phật A Di Đà mới cứu chữa được ba loại căn cơ khó giáo hóa này.

<sup>68</sup> An Lạc Tập, No. 1958, tr. 12c04: “Chúng sanh cũng như vậy, ở đây khởi tâm lập hạnh, nguyện sanh về Tịnh độ, đây là tự lực. Khi sắp lâm chung, Đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, liền được vãng sanh, đó là tha lực. Cho nên trong Đại Kinh nói: ‘Trời người trong mười phương muốn cầu sanh về nước ta’. Sự vãng sanh ấy đều nhờ đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên. Nếu không như thế, thì bốn mươi tám nguyện bèn không có tác dụng? Bảo cho kẻ hậu học biết, đã có tha lực để nương nhờ, không được tự giới hạn phạm mình ở trong nhà lửa.”

<sup>69</sup> Vãng Sanh Lễ Tán Kệ, No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 446a13.

<sup>70</sup> Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 263a21.

<sup>71</sup> Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sư Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21.

Ý của đoạn văn này là: Cực Lạc là cảnh giới vô lậu vô vi, cho nên tạp thiện hữu lậu hữu vi sợ khó vãng sanh.

Chỉ quy về ‘Niệm Phật tam muội’ vô lậu vô vi, mới được vãng sanh ‘Thường trú Báo độ’ vô lậu vô vi.

(79)

Nói “*Tùy duyên tạp thiện*” là chỉ cho hành của tự lực.

Đối với Phật pháp mà không có chân thật lãnh giải thì chẳng phát khởi được tín tâm.

Người thường thân cận với vị Luật sư, thì phát biểu “Giới luật là điều tôn trọng nhất ở đời.” Hoặc có người đời này cầu nguyện, thực hành chân ngôn chú ngữ, kết duyên chẳng hư dối, nên họ lấy ‘chân ngôn làm trọng’.

Những việc này đều là quyền nghi dẫn dắt, tùy duyên tu thiện, nên nói ‘Tùy duyên tạp thiện’ bị ruồng bỏ.

Lại nữa, dù là thực hành niệm Phật, thì niệm Phật cậy vào tự lực cũng được coi là ‘Tùy duyên tạp thiện’.

(80)

‘Tâm thường’ được gán cho người niệm Phật nào chỉ đem tâm quán niệm y báo và chánh báo của Tịnh độ, khi thì miệng xưng danh hiệu, mới ‘có niệm Phật’, lúc thì không xưng không niệm, là ‘không niệm Phật’.

Người niệm Phật như thế, dù nói niệm Phật là [niệm] ‘vô vi thường trú’, khi xưng mới xuất, không xưng liền mất. Thực sự là niệm Phật theo ‘chuyển biến vô thường’.

(81)

“*Vô vi*” là không cố gắng làm việc gì.

Tiểu Thừa nói ‘ba vô vi’<sup>72</sup>, trong đó, ‘hư không vô vi’ được ví như ‘hư không’ không mất đi, cũng không có bắt đầu sanh ra, là nguyên lý của thiên nhiên.

Đại Thừa lấy nguyên lý thường trú bất biến của chân như, pháp tánh, v.v., gọi đó là vô vi.

(82)

Ổ Tựa đề môn [của Quán Kinh Sớ]<sup>73</sup> có giải thích: “*Pháp thân thường trú, ví như hư không*”, cũng là nói lợi ích ‘thường trú’ của quốc độ nước kia. Vì vậy Cực Lạc được gọi là quốc độ ‘vô vi thường trú’, không nương vào sự tác vi của phàm phu, hoặc mất đi, hoặc sanh ra.

(83)

‘Niệm Phật tam muội’ cũng lại như vậy, chẳng nương nơi sự xung niệm của chúng sanh, có xung danh là đến, quên mất tức là đi. Hãy tư duy sâu xa nghĩa lý này.

(84)

Phàm nói ‘niệm Phật’ là nhớ nghĩ đến Phật vậy.

‘Phật đem đại nguyện nghiệp lực và công đức thành tựu, để cắt đứt sự sanh tử trôi buộc chúng sanh, khiến chúng ta sanh về Báo độ chân thật bất thối’, nhớ nghĩ lý này mà phát tâm ‘quy mạng’. Người nương tựa ‘bản nguyện’ thì ba nghiệp đều phó thác nơi Phật thể, [nguyện] lên Chánh giác Phật quả.

---

<sup>72</sup> Ba vô vi: hư không vô vi, trạch diệt vô vi và phi trạch diệt vô vi.

<sup>73</sup> Một bộ Quán Kinh Sớ, nội dung ‘chánh thuật huyền nghĩa’, trực thuộc Huyền nghĩa phần, được chia làm 7 môn khoa tiết: (1) Tựa đề môn; (2) Thích danh môn; (3) Tông chỉ môn; (4) Thuyết nhân môn; (5) Định tán môn; (6) Hòa hội môn; (7) Đắc ích môn.

Thế nên ‘Niệm Phật tam muội’ đang nói đến, là chúng ta tuy xưng, lễ, niệm [A Di Đà Phật], nhưng chẳng phải ‘hành’ của chúng ta, nên biết là ‘chỉ hành theo công hạnh của A Di Đà Phật’.

(85)

Nói ‘Bản nguyện’, là bản nguyện của ‘ngũ kiếp tư duy’.

Nói ‘Nghiệp lực’, là hành nghiệp của ‘triệu tải vĩnh kiếp’, cho đến sau ‘thập kiếp Chánh giác’<sup>74</sup>, là vạn đức của Phật quả vậy.

Dem công đức của nguyện hành này, Đức Phật thiên vị những chúng sanh vô trí ở ác thế vị lai, thay thế họ khuyến hành, muốn đoạn tận sanh tử trói buộc trên thân của tất cả chúng sanh mười phương, hướng dẫn họ đi vào Báo độ bất thối.

Khi nguyện hành này viên mãn, là lúc thành tựu Chánh giác ‘cơ pháp nhất thể’.

(86)

Niệm ‘bản thể của Chánh giác’ được nói là ‘Niệm Phật tam muội’, cho nên càng không dừng ở ba nghiệp của căn cơ.

(87)

Tại pháp môn thông đồ, sự tác vi của căn cơ là nên tu tập hạnh đoạn trừ sự trói buộc của sanh tử, cũng phải nỗ lực đi vào nguyện hành của Báo độ.

Nhưng nay, vượt qua đạo lý ‘tu nhân cảm quả’ là hoằng nguyện của biệt dị. Chỉ đặt mình vào sự nhớ nghĩ đến Phật ngang qua hoằng ân khó được của ‘đại nguyện nghiệp lực thành tựu sự vãng sanh cho chúng sanh’ mà quy mạng. Ba

---

<sup>74</sup> Sau “ngũ kiếp tư duy”, trước “thập kiếp Chánh giác”, Bồ tát Pháp Tạng tu lục độ vạn hạnh, tức là thời gian “triệu tải vĩnh kiếp”.

nghiệp của chúng sanh trở thành người ngồi xe, và cỗ xe chuyên chở là ‘nguyện lực của Di Đà’, tức là cỗ xe vĩ đại (đại thừa) của Báo độ mà chúng ta vãng sanh.

(88)

Cho nên, “tâm ‘quy mạng’ nương bản nguyện” là ba nghiệp đều phó thác nơi Phật thể.

(89)

Nguyện hành của Phật chẳng phải là sự gì khác, bởi vì bản chất của nguyện hành là nhất hướng cho sự vãng sanh của chúng sanh. Ngoài Chánh giác của Phật quả, không bàn tới sự hành của vãng sanh. Dù nghe đạo lý này mà còn xem Chánh giác của Phật như là ‘vật của chung’ mà vứt bỏ nó, chỉ nghĩ cách nào phát đạo tâm, làm sạch hạnh mình, để mong cầu vãng sanh, thì thực sự đáng thương cho cái tâm chấp vào tự lực.

Chánh giác của Phật là bản thể thành tựu sự vãng sanh của chúng sanh. Phật thể chính là nguyện hành của sự vãng sanh.

Hành này không y theo hành ‘niệm’ hay ‘bất niệm’ của chúng sanh, cho nên, ngoài Phật quả, không bàn tới sự hành của vãng sanh.

(90)

Lãnh giải Chánh giác ấy nơi tâm, nên nói là ‘ba tâm’, cũng gọi là ‘tín tâm’.

Chánh giác của ‘cơ pháp nhất thể’ là ‘danh thể bất nhị’, nên ở miệng xưng rằng: Nam mô A Di Đà Phật.

(91)

Tâm tin tưởng là quy về ‘nhất niệm của Chánh giác’. Khẩu xưng danh cũng là quy về ‘nhất niệm của Chánh giác’. Dẫu xưng cả ngàn tiếng, cũng không ra khỏi ‘nhất niệm của Chánh giác’.

Tuy có lúc buồn chán, biếng nhác, ngày qua ngày không xưng, không niệm, nhưng nếu tín tâm vào tha lực và nương tựa vào bản nguyện, thì Phật thể chính là sự hành của ‘sự tu tập trường thời’, còn là bản thể của ‘sự hành vô gián bất tuyệt’, Thế nên, lãnh giải rằng, ‘danh hiệu’ tức là ‘vô vi, thường trú’.

Nói ‘A Di Đà Phật tức là hành này’, chính là ý đây.

(92)

Nay nói thêm về ‘Niệm Phật tam muội’: Chúng ta tuy xưng, lễ, niệm, cũng chẳng hành ‘hành tự kỷ’, chỉ là hành ‘hành của A Di Đà Phật’.

Cái tâm ‘quy mạng’ nương bản nguyện, thì ba nghiệp nương nơi Phật thể. Thân cũng chẳng lìa thân Phật, tâm cũng chẳng lìa Phật tâm.

Miệng niệm là xưng Chánh giác của ‘cơ pháp nhất thể’ và hoằng ân khó được. Thân lễ cũng là hoan hỷ mà lễ tha lực và từ ân đầy ở thân ta.

Chúng ta tuy xưng, lễ, niệm, chẳng vì đôn chứa công hành của căn cơ, chỉ là hành ‘hành của A Di Đà Phật vì sự thành tựu của phàm phu’.

(93)

Phật thể là vô vi, vô lậu. Y báo và chánh báo cũng vô vi, vô lậu.

Như vậy, vì ‘danh thể bất nhị’ nên danh hiệu cũng là vô vi, vô lậu.

(94)

Cho nên, trở thành ‘Niệm Phật tam muội’, nói là làm cho “*chuyên càng chuyên*”.

Chữ ‘Chuyên’ gồm hai lớp: (a) Trước là bỏ tạp hành mà giữ chánh hành, đây là một lớp ‘chuyên’. (b) Sau là gác lại trợ nghiệp mà quay về chánh định nghiệp, đây là thêm một lớp ‘chuyên’.

Lại nữa, ‘chuyên’ ở trước là nhất hành, ‘chuyên’ ở sau là nhất tâm.

Nhất hành nhất tâm<sup>75</sup> nên nói là “*chuyên càng chuyên*”.

(95)

Thể của ‘chánh định nghiệp’ chẳng phải là sự niệm Phật của ba nghiệp của căn cơ.

Không kể thời gian lâu mau, chẳng chọn đi, đứng, ngồi, nằm, Phật thể ‘nhiếp thủ bất xả’ tức là chánh định nghiệp của phàm phu vãng sanh.

Vì ‘danh thể bất nhị’ nên danh hiệu cũng là chánh định nghiệp.

‘Nam mô A Di Đà Phật’ trở thành ‘cơ pháp nhất thể’, nên nói là ‘Niệm Phật tam muội’.

(96)

Thể nên, chẳng dựa vào ‘niệm’ hay ‘bất niệm’ của căn cơ, mà từ vô ngại trí của Phật. Vì thành tựu ‘cơ pháp nhất thể’ nên danh hiệu tức là vô vi, vô lậu. Vì hiển thị ý này mà nói “*Cực Lạc vô vi*”.

(97)

Nói ‘Niệm Phật tam muội’, chẳng lấy niệm của căn cơ làm gốc, mà lấy sự niệm ‘đại bi nhiếp thủ chúng sanh’ của Phật làm gốc.

(98)

---

<sup>75</sup> Nhất hành nhất tâm hay nhất tâm nhất hành đều biểu thị tín tâm, còn chỉ cho sự niệm Phật báo tạ, tức là tín hành không rời tâm trí.



Công đức của Phật vốn ở nơi chúng sanh. Vì thành tựu ‘cơ pháp nhất thể’ mà nói là phát khởi cái tâm ‘quy mạng’. Tâm ấy chẳng phải mới quay về mà là sự thành tựu công đức của ‘cơ pháp nhất thể’.

Ý nghiệp trỗi lên nơi chúng sanh, tuy xưng Nam mô A Di Đà Phật mà không có nguyên do xưng niệm, chỉ là gần gũi với Phật thể, là công đức ‘cơ pháp nhất thể’ của Chánh giác biểu hiện nơi khẩu nghiệp của chúng sanh.

Tín là quay về với Phật thể. Xưng cũng là quay về với Phật thể.

(99)

Tự lực, tha lực, và thí dụ mặt trời.

Muốn dùng tự lực để vãng sanh, như trong đêm tối dùng mắt mình mà muốn thấy được vật thì không thể được. Con mắt tiếp nhận ánh sáng mặt trời, thấy được cảnh sở duyên, đây là năng lực của mặt trời.

Mặc dù mặt trời chiếu sáng làm nhân, nhưng người mù không thể thấy được. Tuy có mở mắt làm duyên, ở đêm tối người mù cũng không thể thấy.

Như mặt trời và con mắt, nhân duyên hòa hợp mà thấy được vật.

Tại nhất niệm ‘quy mạng’, nhận lấy công đức của bản nguyện thì mới toại nguyện ‘một đại sự vãng sanh’.

‘Tâm quy mạng’ như con mắt, ‘quang minh nhiếp thủ’ như mặt trời.

‘Nam mô’, tức là quy mạng, đây như con mắt.

‘A Di Đà Phật’, tức là pháp thể ‘tha lực hoằng nguyện’, đây như mặt trời.

‘Nhận lấy công đức của bản nguyện’, tức là túc thiện cơ làm sự quy mạng ‘Nam mô’ để xưng ‘A Di Đà Phật’. Sáu chữ ấy là hằng sa công đức của vạn thiện vạn hạnh, thành tựu nơi ‘một tiếng xưng danh’. Thế nên, không thể ở ngoài sáu chữ này mà biệt câu công đức thiện căn.

(100)

Bốn thứ sự vãng sanh.<sup>76</sup>

(101)

Nói ‘bốn thứ vãng sanh’:

Một là, Chánh niệm vãng sanh.

Kinh A Di Đà nói: “*Tâm không thác loạn, liền được vãng sanh.*”

(101)

Hai là, Cuồng loạn vãng sanh.

Quán Kinh, Hạ phẩm nói: Chúng sanh thập ác, phá giới, ngũ nghịch, lúc lâm chung bắt đầu cuồng loạn, tay nắm hư không, thân chảy mồ hôi, địa ngục lửa dữ hiện ra trước mắt; gặp thiện tri thức, hoặc một tiếng, hoặc một niệm, hoặc mười tiếng, toại nguyện được vãng sanh.

(103)

Ba là, Vô ký vãng sanh.

(104)

Ở đây nên xem sách Quán Nghi Luận<sup>77</sup>.

---

<sup>76</sup> Tựa Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam, Tập II, Văn A, ghi: “An Tâm Quyết Định Sao giải thích: “Có bốn thứ vãng sanh. Một là Chánh niệm vãng sanh, tức là lòng không điên đảo tức được vãng sanh mà A Di Đà Kinh nói tới. Hai là Cuồng loạn vãng sanh, tức chỉ việc hạ phẩm vãng sanh mà Quán Kinh nói tới (...). Ba là Vô ký vãng sanh mà Quán Nghi Luận nói tới (...). Bốn là Ý niệm vãng sanh thấy đề cập trong Pháp Cổ Kinh (...).” Hai thứ vãng sanh đầu được nói rõ ràng trong A Di Đà Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, còn Vô ký vãng sanh thì Quán Nghi Luận 7 viết: “Sau khi tu phước nhiều ngày mà chưa chết, người ấy lại tạo trọng tội, bấy giờ đẩy lên tâm vô ký vì tâm này có thể đem lại quả báo thiện ác, thì nhờ sức niệm Phật trước người ấy liền được vãng sanh.” Đối với Ý niệm vãng sanh, An Lạc Tập dẫn Pháp Cổ Kinh nói rằng: “Nếu người nào khi lâm chung không niệm được, nhưng biết có đức Phật ở phương kia, có ý muốn vãng sanh thì cũng được vãng sanh”.

<sup>77</sup> Tịnh Độ Quán Nghi Luận (淨土群疑論): Cũng gọi Thích tịnh độ quán nghi luận, Quán nghi luận, Quyết nghi luận. Tác phẩm, 7 quyển, do ngài Hoài Cảm soạn vào đời Đường, được thu vào Đại chánh tạng tập 47. Mục đích của sách này là giải đáp những điều hồ nghi về việc vãng sinh Tịnh độ được nêu ra trong Nhiếp Luận, Tam giai giáo, Duy thức học,...từ các đời Trần, Tùy về sau; là bộ Bách khoa toàn thư của tông Tịnh độ đương thời. Cứ theo lời tựa ở đầu quyển do ngài Bình Xương Mạnh tiến soạn, khi bản thảo luận này vẫn chưa được soạn xong thì ngài Hoài Cảm đã

(105)

Người này khi chưa thành vô ký thì nhờ quang minh nhiếp thủ chiếu soi, đã phát cái tâm ‘quy mạng’. Nhưng từ lúc thọ thân sanh tử đến nay, vì nghiệp nhân phải thọ mà thành vô ký.

‘Được vãng sanh’, là vì nương nhờ tha lực của Phật trí dẫn dắt mà vãng sanh không có hoài nghi; giống như ánh trăng vẫn vậy soi sáng, dù người ta đang ngủ.

Ở nơi tâm vô ký, sự nhận lấy quang minh vẫn liên tục không dứt. Phật đem cái lực của quang minh, tuy tâm vô ký, chúng sanh cũng được vãng sanh.<sup>78</sup>

(106)

Người không biết nhân quả, có nghi nạn rằng, Phật lực làm sao đối ứng với một chút vô ký, hay mặc kệ việc làm của họ? Lại nghĩ, đã thành vô ký, hoàn toàn không thể vãng sanh. Đây là không biết Thánh giáo, mê nơi lý nhân quả, nghi hoặc Phật trí bất tư nghi.

---

thị tịch, về sau do đồng môn là ngài Hoài Uẩn tiếp tục bổ sung để hoàn thành. Về tên sách thì ở Trung quốc xưa nay thường gọi là Quán Nghi Luận, Tống Cao Tăng Truyện gọi là Quyết Nghi Luận, Thụy Ứng San Truyện gọi là Vãng Sinh Quyết Nghi Luận. Toàn sách gồm 116 chương, được viết theo hình thức hỏi đáp. Ngài Hoài Cảm vốn là học giả tông Pháp tướng, về sau, sư theo ngài Thiện Đạo tu hạnh niệm Phật, chứng được tam muội niệm Phật. Kiến giải trong sách này và thích nghĩa của ngài Thiện Đạo, từ xưa đã được gọi là thuyết Thập ngũ đồng thập tam dị. Chỗ đặc sắc của sách này là đứng trên quan điểm Duy thức để giải thích những điều nghi.

<sup>78</sup> Quán Nghi Luận, quyển 7: "Hỏi: Nếu người trong một đời tu hành ba thứ phước và mười sáu pháp quán, khi qua đời gặp thiện tri thức, dạy niệm danh hiệu Phật từ một câu cho đến mười câu, tội căn tiêu diệt, được vãng sanh, người này khi còn sống, phải qua nhiều ngày mới chết được, thì càng phải niệm Phật, mới sanh Tịnh độ? Hay không niệm Phật cũng vãng sanh?"

Thích: Được vãng sanh, chỉ vì người đó hạnh nghiệp đã thành, tội căn tiêu diệt, dù kéo dài nhiều ngày, cũng được vãng sanh. Nhưng có hai thứ:

(1) Sau khi tu phước, nhiều ngày chưa chết, người đó không gây tội nặng, khi khởi các tâm vô ký, tâm này không thể vờ lấy quả báo thiện ác, nên nương vào niệm Phật trước liền được vãng sanh.

(2) Người đó sau khi niệm Phật, hoặc nhiều giờ không chết, càng khởi niệm ác, khởi nghiệp bất thiện, người này phần nhiều e không sanh Tịnh độ. Kinh nói: 'Một niệm tâm sân, chướng ngại trăm ngàn pháp môn.' Lại nói: 'Cái hại của giận dữ, phá các thiện pháp, giặc cướp các công đức, không gì hơn giận dữ.' Người đó tuy có tu các pháp: quán hạnh, niệm Phật trước kia, nhưng đều bị sân hận làm tổn hại, không được vãng sanh. Huống chi các tội nghiệp khác, làm chướng các thiện hạnh. Như kinh nói rằng: 'Tạo nghiệp lúc cuối cùng, thì thọ báo trước nhất. Khi chết tâm nào nặng thọ trước, nặng nhẹ nếu bằng nhau, trước thì thọ trước, người này sau có tội nhiều, e không được vãng sanh.'"

(107)

Bốn là: Ý niệm vãng sanh.

(108)

Ở đây nên xem Kinh Pháp Cỗ. Tuy không phát ra âm thanh, đem tâm niệm mà vãng sanh.<sup>79</sup>

(109)

Bốn thứ vãng sanh này là liệu giản của Hắc Cốc Thánh nhân<sup>80</sup>.

(110)

---

<sup>79</sup> An Lạc Tập (安樂集), No. 1958, Đại sư Đạo Xước soạn, quyển hạ: "Theo kinh Pháp Cỗ lại nói: 'Nếu người khi lâm chung mà không thể tác niệm, chỉ biết phương kia có Phật, liền tác ý vãng sanh, cũng được vãng sanh.'" "Như trong kinh Đại Pháp Cỗ nói: 'Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân thường có thể buộc ý xưng niệm danh hiệu chư Phật, thì mười phương chư Phật, tất cả các hiền thánh thường thấy người này, như hiện ra trước mắt.' Vì thế kinh này được gọi là Đại Pháp Cỗ. Nên biết, người này tùy nguyện vãng sanh ở Tịnh độ mười phương."

Kinh Đại Pháp Cỗ (大法鼓經), No. 270, 2 quyển, Cầu-na-bạt-đà-la dịch. Tuy nhiên, Kinh Đại Pháp Cỗ không có đoạn văn mà An Lạc Tập trích dẫn, có thể coi là đoạn văn lấy ý. Kinh Đại Pháp Cỗ, quyển thượng, ghi: "Sau khi Phật Niết bàn, lúc chánh pháp sắp diệt, còn tám mươi năm, đồng tử dòng Ly Xa tên Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến trì niệm danh hiệu Phật, chẳng màng đến thân mạng, tuyên dương kinh này, thọ mãn trăm tuổi, sanh về nước An Lạc."

<sup>80</sup> Nguyên Không (源空) Cũng gọi Pháp nhiên thượng nhân, Hắc cốc thượng nhân. Cao tăng Nhật Bản, Tổ khai sáng của tông Tịnh độ, người huyện Cương Sơn. Năm 9 tuổi sư xuất gia, 15 tuổi lên núi Tỷ Duệ thờ ngài Hoàng Viên và Duệ Không làm thầy. Sư học tập giáo nghĩa Thiên thai và đọc nhiều kinh điển; sư xem tất cả các kinh tới 5 lần mà vẫn chưa thấy được con đường xuất ly, sau nhờ đọc bộ Quán Kinh Sớ của Đại sư Thiện Đạo mà khai ngộ. Sư bèn dựa vào tác phẩm Vãng Sanh Yếu Tập của ngài Nguyên Tín mà sáng lập tông Tịnh độ, chuyên tu pháp môn Niệm Phật tại Cát Thủy thuộc Đông Sơn. Trên từ triều đình, công khanh, dưới đến các tầng lớp vũ sĩ, thứ dân... đều quy y sư, nơi đạo tràng, tiếng xưng danh niệm Phật của tăng tục không dứt, nhưng bị những giáo đồ của phái bảo thủ dèm pha. Sau vì việc hai cung nữ của Thượng hoàng Hậu Điếu Vũ tên là Tùng Trùng và Linh Trùng xuất gia tu hành ở đạo tràng Niệm Phật tại Lộc Cốc, đã dẫn đến việc tố cáo của Nam đô Bắc lãnh, nên cuối cùng đạo tràng Niệm Phật của sư bị đình chỉ, hai vị tăng bị xử trảm, còn sư lúc đó đã 75 tuổi thì bị lưu đày đến Tán Kỳ. Cùng năm ấy, sư được cho phép vào ở chùa Thắng Vĩ tại Nhiếp Tân (phủ Đại Phấn) tạm trú 4 năm. Ở đây, sư tiếp tục hoằng dương Tịnh độ, giáo hóa tăng tục. Đến niên hiệu Kiến Lịch năm đầu (1211) sư mới được phóng thích trở về Kinh đô (Kyoto). Năm sau, sư tịch ở Đại Cốc, Đông Sơn, thọ 80 tuổi. Sư để lại các tác phẩm: Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập, Hắc Cốc Thượng Nhân Ngữ Đẳng Lục, được thu vào Pháp Nhiên Thượng Nhân Toàn Tập.

Người đời thường không biết rõ lý này, nói: “Lâm chung không niệm Phật, còn thành vô ký, thì không được vãng sanh.” Còn nói, “Xưng danh hiệu thì được vãng sanh.” Tuy có nghĩa này, nhưng nó vẫn còn thô lược.

(111)

Như năm trăm trưởng giả tử<sup>81</sup>, lúc lâm chung tuy xưng Phật danh, nhưng không được vãng sanh.

Lâm chung tuy có phát ra âm thanh, nếu không phát tín tâm ‘quy mạng’ thì chỉ có thể sanh về cõi trời và cõi người.

Ở đây nên xem Kinh Thủ Hộ Quốc Giới.<sup>82</sup>

Như vậy chỉ có bốn hạng người ở trên, tất cả phát tín tâm ‘quy mạng’ nên đều được vãng sanh.

(112)

Vãng Sanh Luận của Bồ tát Thiên Thân nói:

*“Quy mạng hết mười phương,*

*Vô Ngại Quang Như Lai.”*

Tuy là pháp sâu xa, có thể lấy dụ thô thiên dụ để lãnh giải.

Thí như: Mặt trời là Quán Âm, tuy nhận ánh sáng của Quán Âm, nhưng lúc tuổi còn nhỏ thì không biết. Đến khi có chút tri thức, thì cho đó là ánh sáng tự lực của mắt mình.

---

<sup>81</sup> Ngũ bách trưởng giả tử (五百長者子): Năm trăm người con của Trưởng giả. Theo Kinh Quán Phật Tam Muội Hải, quyển 3, thì 500 Thích tử trông thấy thân tướng đoan nghiêm của Đức Phật đen đúa như người bằng than, ốm o gầy gò như người Bà la môn. Đức Phật liền nói nhân duyên bản sanh cho họ nghe; Ngài bảo rằng sau khi đức Tỳ Bà Thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri nhập Niết bàn, trong thời tượng pháp, có vị Trưởng giả tên là Nhật Nguyệt Đức, ông có 500 người con không tin Phật pháp, 500 người con ấy chính là tiền thân của 500 vị Thích tử này. Năm trăm vị Thích tử xưng niệm danh hiệu của bảy vị Phật liền thấy được thân sắc vàng của Phật, thành A La Hán.

<sup>82</sup> Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni (守護國界主陀羅尼經), No. 997, gọi tắt là Thủ Hộ Quốc Giới Kinh, Thủ Hộ Kinh, 10 quyển, do hai ngài Bát nhã và Mâu-ni-thất-lợi cùng dịch vào đời Đường, được thu vào Đại chạnh tạng tập 19. Nội dung kinh này thuật lại việc Đức Phật nói về hư không tánh, tâm tánh, bồ đề tánh, đà la ni tánh cho bồ tát Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương nghe, tất cả gồm 11 phẩm.

Người khéo biết về mặt trời bảo rằng: “Nếu đúng là ánh sáng của mắt mình, trong đêm tối có thể thấy được vật, thì đúng là cái lực của mắt mình.” Do tin lời ấy mà nên nhanh chóng quay về ánh sáng mặt trời xưa nay, nghĩa là ánh sáng của mắt mình bỗng thành ánh sáng của Quán Âm. Nghĩa của ‘quy mạng’ cũng lại như thế.

Không biết thời gian thọ mạng [của mình] cũng là thọ mạng của Đức Phật A Di Đà. Khi tuổi còn nhỏ ngu ngơ, tức không biết; lúc có chút tri thức, lại lấy tự lực chấp thọ mạng mà mình có. Nghe thiện tri thức chỉ bảo, quay về thọ mạng xưa nay của Đức Phật A Di Đà.

Quy mạng bậc Chánh giác Vô Lượng Thọ, tức tin tưởng sanh mạng của mình là vô lượng thọ.

‘Quy mạng’ như thế mới giải thích là ‘được chánh niệm’.

(113)

Người ‘được chánh niệm’ thí như người nhận cái lựu của gông cùm, nhưng sau khi ‘quy mạng’, dẫu thành vô ký, vẫn có thể vãng sanh.

Quần Nghi Luận nói: Tâm vô ký mà được vãng sanh, nghĩa là nương nhờ ‘tâm quang nhiếp thủ’ soi chiếu và gia hộ. Tâm vô ký ấy ngừng lại lập tức, thì lấy tâm khánh hỷ mà vãng sanh.<sup>83</sup>

---

<sup>83</sup> Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận, quyển 7: "Hỏi: Nếu người trong một đời tu hành ba thứ phước và mười sáu pháp quán, khi qua đời gặp thiện tri thức, dạy xưng danh hiệu Phật từ một niệm cho đến mười niệm, tội căn tiêu diệt, được vãng sanh. Người này thời mạng chưa dứt, phải qua nhiều ngày mới chết được, thì càng phải niệm Phật mới sanh Tịnh độ, hay không niệm Phật được cũng vãng sanh?"

Thích: Được vãng sanh. Chỉ vì người đó hạnh nghiệp đã thành, tội cấu tiêu diệt, dù kéo dài nhiều ngày, cũng được vãng sanh. Nhưng có hai thứ:

(1) Sau khi tu phước, nhiều ngày chưa chết, người đó không gây tội nặng, khi khởi các tâm vô ký, tâm này không thể vơi lấy quả báo thiện ác, nên nương vào niệm Phật lúc trước liền được vãng sanh.

(2) Người đó sau khi niệm Phật, hoặc nhiều giờ không chết, càng khởi niệm ác, khởi bất thiện nghiệp, người này phần nhiều e không sanh Tịnh độ. Kinh nói: 'Một niệm tâm sân, chướng ngại trăm ngàn pháp môn.' Lại nói: 'Cái hại của giận dữ, phá các thiện pháp, giặc cướp các công đức, không gì hơn giận dữ.' Người đó tuy có tu các pháp: quán hạnh, niệm Phật trước kia, nhưng đều bị tâm sân hận làm tổn hại, không được vãng sanh. Huống chi các tội nghiệp khác, làm chướng các hạnh lành. Như kinh nói rằng: 'Tạo nghiệp lúc cuối cùng, thì thọ báo trước nhất. Khi chết tâm nào nặng thọ trước, nặng nhẹ nếu bằng nhau, trước thì thọ trước. Người này về sau có tội nhiều, e không được vãng sanh.'"

Lại nữa, trong Quán Kinh, ba phả Hạ sanh nói: Khi chưa ‘quy mạng’, tướng địa ngục hiện ra, tuy bị cuồng loạn mà được thiện tri thức khuyên bảo, nhờ sự quy mạng đó nên được vãng sanh.

Lại nữa, người bình sanh biết ‘quy mạng’, sanh thời luôn nhận được lợi ích từ ‘tâm quang nhiếp thủ’, cho nên khi lâm chung, tâm không thác loạn mà được vãng sanh. Đây gọi là Chánh niệm vãng sanh.

Lại nói: Sau khi tín tâm ‘quy mạng’ phát khởi, dù không phát ra âm thanh [niệm Phật] mà chết, vẫn có thể vãng sanh. Xem ở Kinh Pháp Cỏ. Đây gọi là Ý niệm vãng sanh.

(114)

Như vậy, nói một cách tổng quát, nếu tín tâm vào ‘tha lực bất tư nghị’ là nhân tố quyết định thì sự vãng sanh không có gì nghi ngờ cả.

(115)

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: Có một trưởng giả có một cô con gái, vào lúc tối hậu phân chia tài cải, giao phó cho vàng Diêm phù đàn, bọc bởi vật dơ, chôn trong đất bùn. Quốc vương bảo quần thần đi đoạt lấy vật báu, họ dù đi bộ trên đất bùn mà không biết [có vật báu] nên quay trở về. Sau này cô gái ấy lấy nó lên đem bán, giàu có hơn so với trước.

Với ví dụ này, quốc vương là dụ cho tâm vương của thân ta. Của báu dụ cho chư thiện pháp. Quần thần là dụ cho lục tặc<sup>84</sup>, các thiện pháp bị sáu trần cướp đoạt. Không có cách nào để phát hiện là dụ cho vô duyên xuất ly. Lấy ra vật báu vàng ròng, giàu có tự tại, là dụ cho tín tâm nương vào Niệm Phật tam muội tín mà được quyết định, khoảnh khắc được vãng sanh cõi An Lạc. Bao bọc trong vật dơ, chôn

---

<sup>84</sup> Lục tặc: Sáu tên giặc, chỉ cho 6 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần lấy 6 căn làm môi giới, cướp đoạt tất cả thiện pháp, nên được dụ như giặc.

dấu trong đất bùn, là dụ cho phàm phu trong ngũ trược, nữ nhân trong uế ác chính là người nữ, lấy làm chánh cơ.<sup>85</sup>

(116)

Nhóm lửa đốt củi, một thể không lìa.

Củi là dụ cho tâm của hành giả. Lửa là dụ cho quang minh ‘nhiếp thủ bất xả’ của Đức Phật A Di Đà. Vì nương nhờ tâm quang soi chiếu và hộ trì, nên lìa tâm ta không có tâm Phật, lìa tâm Phật không có tâm ta. Đây được gọi là: Nam mô A Di Đà Phật.

(Hết quyển hạ)

---

<sup>85</sup> Kinh Quán Phật Tam Muội Hải: "Đức Phật bảo ngài A Nan rằng: – Người có niệm Phật phải tự phòng hộ chớ để cho buông lung. Người Niệm Phật tam muội, nếu chẳng tự phòng hộ, sanh ra cống cao thì gió dữ tà mạng thổi, lửa kiêu mạn đốt, tiêu diệt thiện pháp. Thiện pháp là tất cả vô lượng thiện định, các pháp niệm Phật từ các tâm tưởng sanh ra. Đó gọi là công đức tạng.

Đức Phật bảo ngài A Nan rằng: – Ví như ông trưởng giả có rất nhiều của báu mà chỉ có một đứa con. Ông trưởng giả tự biết sắp chết, chẳng còn bao lâu nữa, đem những kho tàng giao phó cho người con ấy. Người con ấy được của rồi tùy ý rong chơi. Bỗng vào một lúc, gặp phải nạn vua, có vô lượng giặc cướp từ bốn phía kéo đến, tranh nhau lấy của cải trong kho mà người con ấy chẳng thể ngăn cản giữ gìn. Chỉ có một thỏi vàng mới chính là Diêm phù đàn na tử kim, nặng mười sáu lượng, bề dài rộng đều mười sáu tấc. Một lượng vàng này trị giá bằng trăm ngàn vạn lượng của báu khác. Bị giặc bức bách, không biết làm gì với thỏi vàng, ông ấy liền dùng vật dơ bẩn bọc gói vàng ròng, đặt vào bên trong cục bùn. Bọn giặc nhìn thấy nó, chẳng biết đó là vàng, chân dẫm lên mà đi. Sau khi giặc đi rồi, tài chủ giữ được vàng, lòng rất vui mừng. Niệm Phật tam muội cũng lại như vậy, phải giấu kín nó."